

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
BIỂN GLOBAL PACIFIC

Số: 17/2025/CBTT-PCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC**

* Mã chứng khoán: PCT

* Trụ sở chính: Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại - Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

* Điện thoại: (84.28) 62582330 Fax: (84.28) 62582334

* Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Diệu Hoa (Người được ủy quyền Công bố thông tin)

* Loại thông tin công bố:

24h

Yêu cầu

Bất thường

Định kỳ

2. Nội dung công bố thông tin: Nghị quyết số 11/2025/NQ-PCT-HĐQT ngày 18/3/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua cập nhật tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Thông tin này đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 19/3/2025 tại đường dẫn www.pct.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Lưu: DH (1b).

NGUY N
DI U HOA

Digitally signed by NGUY N DI U
HOA
DN: cn=NGUY N DI U HOA, o=VN
I=QU N 1 o=CÔNG TY C PH N V N
T I BI N GLOBAL PACIFIC ou=CÔNG
TY C PH N V N T I BI N GLOBAL
PACIFIC
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2025-03-19 22:08+07:00



NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua cập nhật tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific;
- Căn cứ Quy chế làm việc của HĐQT và phân cấp thẩm quyền cho Giám đốc ban hành theo Nghị quyết số 11/NQ-PCT-HĐQT ngày 04/9/2019 của HĐQT;
- Căn cứ Nghị quyết số 04/2025/NQ-PCT-HĐQT ngày 06/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Căn cứ Biên bản họp số 11/2025/BBH-PCT-HĐQT ngày 18/3/2025 của Hội đồng quản trị.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua cập nhật tài liệu họp (bản tiếng Việt và bản tiếng Anh) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 bao gồm:

1. Sửa đổi Tờ trình về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 thành Tờ trình về việc kiện toàn cơ cấu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028.
2. Sửa đổi Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 thành Quy chế bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028.
3. Hủy bỏ mẫu Phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028, điều chỉnh mẫu Phiếu biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo, tờ trình tại ĐHCĐ thường niên năm 2025.
4. Bổ sung Báo cáo thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2024.
5. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (cập nhật).

(Chi tiết toàn bộ tài liệu họp đã cập nhật như đính kèm). 



Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc Công ty, các bộ phận/cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (2b).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *Trần Trung Quốc*





CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Thời gian: Ngày 24 tháng 3 năm 2025
Địa điểm: Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng – Thương mại – Dịch vụ – Khách sạn (The Nexus), 3A-3B đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

STT	Thời gian	Nội dung
I ĐÓN TIẾP ĐẠI BIỂU		
1	08:00 - 08:30	Đón tiếp Đại biểu, cổ đông tham dự Đại hội. Kiểm tra tư cách cổ đông và đăng ký thủ tục tham dự Đại hội.
II KHAI MẠC ĐẠI HỘI		
2	08:30 - 08:35	Thông qua Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. Hướng dẫn an ninh. Tuyên bố lý do; giới thiệu và bầu Đoàn chủ tọa, Thư ký Đại hội, Tổ kiểm phiếu.
3	08:35 - 08:40	Thông qua Nội quy, Chương trình, Thể lệ biểu quyết và Quy chế Bầu cử tại Đại hội.
III NỘI DUNG ĐẠI HỘI		
4	08:40 - 10:00	<ol style="list-style-type: none">Báo cáo hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT.Báo cáo hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát.Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Giám đốc.Báo cáo về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt phát hành thêm cổ phiếu năm 2023.Báo cáo thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2024.Tờ trình về việc phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2024 và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024.Tờ trình về việc trích lập các quỹ năm 2024.Tờ trình về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.



		<p>9. Tờ trình về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và Kế hoạch thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025.</p> <p>10. Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.</p> <p>11. Tờ trình về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án Đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 25.900 DWT.</p> <p>12. Tờ trình về việc chấp thuận giao dịch giữa Công ty và người có liên quan.</p> <p>13. Tờ trình về việc phê duyệt kế hoạch chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2024.</p> <p>14. Tờ trình về việc kiện toàn cơ cấu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028.</p> <p>15. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028.</p> <p>16. Tờ trình về việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028.</p> <p>17. Các nội dung khác (nếu có).</p>
5	10:00 - 10:20	Đại hội thảo luận, góp ý.
6	10:20 - 10:30	Biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội.
7	10:30 - 10:50	Nghỉ giải lao/ Kiểm phiếu.
8	10:50 - 10:55	Biên bản kiểm phiếu.
IV	TỔNG KẾT ĐẠI HỘI	
9	10:55 - 11:00	Thông qua biên bản và nghị quyết của Đại hội.
10	11:00	Bế mạc Đại hội.



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific xin trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 như sau:

1. Thành phần HĐQT năm 2024

HĐQT từ 01/01/2024 đến 31/5/2024 bao gồm các thành viên:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp - Chủ tịch HĐQT;
2. Bà Lê Thị Mai - Thành viên HĐQT;
3. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thành viên HĐQT;
4. Ông Nguyễn Sơn Lâm - Thành viên HĐQT;
5. Ông Lê Hoàng Phương - Thành viên HĐQT;
6. Ông Hoàng Anh Quân - Thành viên HĐQT.

Ngày 22/4/2024, Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp, Bà Lê Thị Mai, Ông Nguyễn Sơn Lâm và Ông Hoàng Anh Quân có Đơn từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT. Đến ngày 31/5/2024, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường lần 1 năm 2024 đã phê duyệt việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông bà nói trên. Cũng tại ĐHCĐ bất thường lần 1 năm 2024 ngày 31/5/2024, ĐHCĐ đã bầu bổ sung 04 (bốn) thành viên HĐQT 2023-2028 và tổng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 bao gồm:

1. Ông Trần Trung Quốc - Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Phạm Xuân Quang - Thành viên HĐQT;
3. Ông Lê Anh Nam - Thành viên HĐQT;
4. Ông Võ Ngọc Phụng - Thành viên HĐQT;
5. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thành viên HĐQT.

Ngày 03/10/2024, Ông Phạm Xuân Quang có Đơn từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT. Đến ngày 03/12/2024, ĐHCĐ bất thường lần 2 năm 2024 đã phê duyệt việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với Ông Phạm Xuân Quang. Như vậy, từ ngày 03/12/2024 đến 31/12/2024, các thành viên HĐQT bao gồm:

1. Ông Trần Trung Quốc - Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Lê Anh Nam - Thành viên HĐQT;
3. Ông Võ Ngọc Phụng - Thành viên HĐQT;
4. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thành viên HĐQT.

2. Thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT và quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc và bộ máy điều hành.

Các thành viên HĐQT đã triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và bất thường năm 2023; chỉ đạo, giám sát hoạt động của Giám đốc thông qua các Nghị quyết của HĐQT. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết phê duyệt chỉ đạo các nội dung:

- Phê duyệt, giao nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 cho Giám đốc thực hiện.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các văn bản, báo cáo của Ban Giám đốc gửi HĐQT.
- Giám sát triển khai việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 29/02/2024, ĐHĐCĐ bất thường lần 1 vào ngày 31/5/2024 và ĐHĐCĐ bất thường lần 2 vào ngày 03/12/2024, chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội.
- Phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023.
- Đối với công tác nhân sự, HĐQT đã phê duyệt bổ nhiệm cán bộ chủ chốt.
- Các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ trong công ty thực hiện công tác quản lý, giám sát qua các báo cáo và các phiên họp của HĐQT.

3. Đánh giá chung về tình hình hoạt động của Công ty.

- Năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư đối với tàu Windsor (tàu số 04) và tàu PCT-Artemis (tàu số 05) như kế hoạch được duyệt tại ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024.
- Đối với việc thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024 phê duyệt theo Tờ trình số 18/TTr-PCT-HĐQT ngày 25/4/2024: Công ty đã nộp hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tại Ủy ban chứng khoán Nhà nước trong tháng 9/2024 và đang trong quá trình giải trình, hoàn thiện hồ sơ. HĐQT sẽ báo cáo kết quả thực hiện việc chào bán thêm cổ phiếu này trong kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất.
- Lĩnh vực quản lý tàu, tư vấn quản lý tàu: Năm 2024, Công ty vẫn duy trì và phát triển tốt các hoạt động về khai thác, cho thuê tàu, quản lý và tư vấn quản lý tàu. So với năm 2023 thì năm 2024 Công ty đã thu hút thêm được các đối tác mới.
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo an toàn dòng tiền, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

*** Công tác quản lý:**

- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015: duy trì hệ thống các quy trình, tài liệu theo quy định của hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của công ty.
- Tiếp tục thực hiện kế hoạch xây dựng văn hoá doanh nghiệp công ty.
- Công ty tiếp tục thực hành tiết kiệm và tuyên truyền cho người lao động ý thức tiết kiệm.

- Chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước, các quyết định, chỉ đạo của HĐQT, Điều lệ và các quy chế quản lý của công ty.

- HĐQT đã chỉ đạo các biện pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình kinh doanh, dịch vụ và đưa các giải pháp kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Các nghị quyết của HĐQT được Ban Giám đốc công ty thực hiện đúng và đầy đủ.

* **Các chỉ tiêu kinh tế:**

- Chỉ tiêu Tổng doanh thu đạt 540.057 triệu đồng, hoàn thành 134% kế hoạch đặt ra;
- Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 110.064 triệu đồng, hoàn thành 212% kế hoạch đặt ra;

- Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế đạt 87.787 triệu đồng, hoàn thành 210% kế hoạch đặt ra.
(Chi tiết xem tại Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2024 của Giám đốc).

Như vậy, trong bối cảnh kinh tế thế giới trong năm 2024 có nhiều biến động khó lường, cùng với những thách thức cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường vận tải biển, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực phấn đấu, đưa ra những quyết sách kịp thời và hiệu quả, dẫn dắt Công ty đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng. Đây là minh chứng cho sự quyết tâm, nỗ lực không ngừng của tập thể lãnh đạo và người lao động, đặc biệt là đội ngũ thuyền viên, những người đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vào thành công chung của Công ty.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Theo nhận định của HĐQT, bước sang năm 2025, bức tranh thị trường được dự báo sẽ có những chuyển biến, dù tốc độ tăng trưởng toàn cầu có thể chậm lại. Các nhà phân tích cho rằng những khó khăn lớn nhất có thể đã qua và các yếu tố cản trở sẽ dần suy yếu.

Do đó, để tận dụng cơ hội và ứng phó với thách thức từ thị trường vận tải biển năm 2025, HĐQT chỉ đạo, giám sát và phối hợp chặt chẽ cùng Ban Giám đốc xây dựng và triển khai các giải pháp sau:

- Chỉ đạo, hỗ trợ Ban Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2025 được ĐHCĐ phê duyệt tại Tờ trình về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

- Theo sát kế hoạch đầu tư tài sản đảm bảo đạt hiệu quả.

- Duy trì và phát triển hoạt động quản lý và tư vấn quản lý tàu bằng cách tìm kiếm và mở rộng đối tác khách hàng.

- Tiếp tục chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định, định mức và quản lý chi phí nhằm tăng cường công tác quản lý.

- Chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh và xu thế phát triển của công ty.

- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quan tâm đến quyền lợi, điều kiện làm việc cho người lao động. *mm*

12.
TY
AN
BI
ICIF
5C

- Quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2025.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 


Trần Trung Quốc

T.C.P
★
HN

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Thay mặt Ban kiểm soát (BKS), tôi xin báo cáo trước Đại hội kết quả công tác kiểm tra giám sát năm 2024 như sau:

PHẦN A

KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2024

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Về tổ chức

BKS Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific gồm có 03 thành viên, trong đó 01 Trưởng ban phụ trách chung và 02 thành viên thực hiện giám sát theo dõi các hoạt động theo sự phân công của Trưởng BKS.

Nhân sự BKS gồm có:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp, Trưởng BKS (chuyên trách);
- Bà Nguyễn Thị Thu Tâm, thành viên (kiêm nhiệm);
- Bà Chu Thị Mai Hương, thành viên (kiêm nhiệm).

2. Hoạt động của từng thành viên BKS

2.1. Hoạt động của Trưởng BKS – Nguyễn Thị Ngọc Đẹp (chuyên trách):

- Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động công tác của BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên BKS.
 - Kiểm soát công tác quản lý, quản trị Công ty và tính tuân thủ của Hội đồng quản trị (HĐQT).
 - Kiểm soát số liệu và kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm của Công ty (bao gồm xem xét tính hợp lý, hợp lệ và hợp pháp trong ghi chép sổ sách).
 - Lập Báo cáo Giám sát sau khi tổng hợp các ý kiến của các thành viên BKS.
 - Thực hiện công việc khác không phân công cho các thành viên BKS.
- 2.2. Bà Nguyễn Thị Thu Tâm - Thành viên BKS (kiêm nhiệm):**
- Kiểm soát công tác nhân sự và công tác phát triển nguồn nhân lực.
 - Kiểm soát công tác chi trả thu nhập và chế độ chính sách đối với người lao động.
 - Kiểm soát công tác quản trị nội bộ doanh nghiệp.
 - Kiểm soát việc chấp hành các Quy chế, quy định và quy trình của Công ty.



- Chứng kiến, giám sát việc kiểm kê của công ty khi có yêu cầu.
- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị từ cơ quan Thanh tra, kiểm tra (nếu có).
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- Các công việc khác theo sự phân công của Trưởng BKS.

2.3. Bà Chu Thị Mai Hương - Thành viên BKS (kiêm nhiệm):

- Thẩm định BCTC hàng quý, hàng năm của công ty và thẩm định các chỉ tiêu tài chính phát hiện các rủi ro tiềm ẩn.
- Kiểm soát các nội dung thuộc lĩnh vực tài chính, kế toán.
- Phối hợp giám sát việc thực hiện các kiến nghị từ cơ quan Thanh tra, kiểm tra (nếu có).
- Các công việc khác theo sự phân công của Trưởng BKS.

3. Hoạt động của BKS

3.1. Nội dung công tác Kiểm soát của BKS

- Tham gia dự họp tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị, soát xét, kiểm tra các văn bản nội bộ của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc phát hành ra trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường một cách kịp thời và kiểm chứng tính xác thực của các thông tin công bố tới các cổ đông của Công ty.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định, nghị quyết ĐHĐCĐ, luật định và các quy định của công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.
- Trong năm 2024, BKS chưa phát hiện dấu hiệu vi phạm, không có đơn khiếu nại của cổ đông về Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

3.2. Kiểm soát hoạt động quản lý và điều hành Công ty

a. Thành phần Hội đồng quản trị:

Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024, Hội đồng quản trị Công ty có sự thay đổi như sau:

Stt No.	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Trần Trung Quốc	CT. HĐQT (không điều hành)	31/05/2024	
2	Ông Lê Anh Nam	TV độc lập HĐQT (không điều hành)	31/05/2024	
3	Ông Võ Ngọc Phụng	TV. HĐQT	31/05/2024	
4	Bà Nguyễn Thị Thanh	TV. HĐQT	02/06/2023	

	Huyện	(không điều hành)		
5	Ông Phạm Xuân Quang	TV. HĐQT	31/05/2024	03/12/2024
6	Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	CT. HĐQT	08/11/2021	31/05/2024
7	Ông Nguyễn Sơn Lâm	TV. HĐQT	25/10/2022	31/05/2024
8	Ông Lê Hoàng Phương	TV. HĐQT (không điều hành)	02/06/2023	29/02/2024
9	Ông Hoàng Anh Quân	TV. HĐQT (không điều hành)	02/06/2023	31/05/2024
10	Bà Lê Thị Mai	TV. HĐQT	31/08/2022	31/5/2024

b. Tình hình họp HĐQT:

Trong năm 2024, các HĐQT Công ty tiến hành họp tổng cộng 42 buổi. Chi tiết về tình hình tham dự họp của các thành viên HĐQT Công ty trong năm 2024 cụ thể như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Trung Quốc	26/42	100%	Bỏ nhiệm ngày 31/5/2024
2	Ông Lê Anh Nam	26/42	100%	Bỏ nhiệm ngày 31/5/2024
3	Ông Võ Ngọc Phụng	26/42	100%	Bỏ nhiệm ngày 31/5/2024
4	Ông Phạm Xuân Quang	15/20	75%	Bỏ nhiệm ngày 31/5/2024 Miễn nhiệm ngày 03/12/2024 Có Đơn từ nhiệm ngày 03/10/2024 với nội dung: từ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT từ ngày 04/11/2024
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	42/42	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	13/42	100%	Miễn nhiệm ngày 31/5/2024
7	Ông Nguyễn Sơn Lâm	13/42	100%	Miễn nhiệm ngày 31/5/2024
8	Ông Lê Hoàng Phương	03/42	100%	Miễn nhiệm ngày 29/2/2024
9	Ông Hoàng Anh Quân	13/42	100%	Miễn nhiệm ngày 31/5/2024
10	Bà Lê Thị Mai	13/42	100%	Miễn nhiệm ngày 31/5/2024



c. Tình hình ban hành các Nghị quyết, quyết định:

Trong năm 2024, HĐQT Công ty đã ban hành tổng cộng 44 Nghị quyết và Quyết định về tình hình SXKD của Công ty, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/NQ-PCT- HĐQT	31/1/2024	Phê duyệt miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị công ty.	100%
2	02/2024/NQ-PCT- HĐQT	20/02/2024	Trình ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch đầu tư 01 tàu chở khí hóa lỏng VLGC có sức chứa 75.000-80.000 CBM (trọng tải khoảng 45.000-50.000 DWT).	100%
3	02A/2024/NQ- PCT-HĐQT	20/02/2024	Phê duyệt Dự toán sửa chữa trên đà của tàu Orion năm 2024.	100%
4	03/2024/NQ-PCT- HĐQT	22/02/2024	Sửa đổi, bổ sung tài liệu họp tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.	100%
5	04/2024/NQ-PCT- HĐQT	15/03/2024	Phê duyệt chủ trương tái tài trợ khoản vay đầu tư mua tàu chở dầu/hóa chất Orion (tên cũ MT Bass) số IMO 9400370.	100%
6	05/2024/NQ-PCT- HĐQT	15/03/2024	Phê duyệt triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường lần 1 năm 2024.	100%
7	06/2024/NQ-PCT- HĐQT	18/03/2024	Phê duyệt chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024.	100%
8	07/2024/NQ-PCT- HĐQT	27/03/2024	Phê duyệt sửa đổi Điều lệ và áp dụng Điều lệ sửa đổi.	100%
9	08/NQ-PCT- HĐQT	04/04/2024	Phê duyệt bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc của Công ty đối với ông Nguyễn Sơn Lâm.	100%
10	09/NQ-PCT- HĐQT	15/04/2024	Phê duyệt miễn nhiệm và bổ nhiệm Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật.	100%
11	10/2024/NQ-PCT- HĐQT	02/05/2024	Thông qua Chương trình họp ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024.	100%
12	11/NQ-PCT- HĐQT	04/05/2024	Tuyển dụng và bổ nhiệm ông Phạm Xuân Quang giữ chức danh Phó Giám đốc.	100%
13	12/NQ-PCT- HĐQT	20/05/2024	Điều chỉnh tên và địa chỉ Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm của tàu Orion, tàu	100%

			Loyal và tàu Goby.	
14	12A/NQ-PCT-HĐQT	20/05/2024	Phê duyệt Dự toán sửa chữa trên đà của tàu Loyal năm 2024.	100%
15	13/2024/NQ-PCT-HĐQT	29/05/2024	Cập nhật tài liệu hợp trình ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024.	100%
16	14/2024/NQ-PCT-HĐQT	31/05/2024	Thông qua và quyết định bầu các chức danh HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.	100%
17	15/2024/NQ-PCT-HĐQT	04/06/2024	Thông qua triển khai đầu tư tàu số 4.	100%
18	16/2024/NQ-PCT-HĐQT	05/06/2024	Phê duyệt “Kế hoạch mua tàu số 4 chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT”.	100%
19	17/2024/NQ-PCT-HĐQT	14/06/2024	Thông qua triển khai tìm kiếm tàu phù hợp với các tiêu chí về tàu số 05 loại tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất (trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT) đã được ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024 ngày 31/05/2024 thông qua.	100%
20	18/2024/NQ-PCT-HĐQT	17/06/2024	Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; Các cam kết của Công ty; Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán.	100%
21	19/2024/NQ-PCT-HĐQT	21/06/2024	Phê duyệt kết quả lựa chọn tàu số 4 chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT..	100%
22	20/2024/NQ-PCT-HĐQT	24/06/2024	Đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).	100%
23	21/2024/NQ-PCT-HĐQT	27/06/2024	Tuyển dụng và bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy giữ chức danh Phó Giám đốc Công ty.	100%
24	22/2024/BBH-PCT-HĐQT	15/08/2024	Chấp thuận thôi giữ chức danh Phó Giám đốc và chấm dứt hợp đồng lao động đối với Ông Nguyễn Sơn Lâm.	100%
25	23/2024/BBH-PCT-HĐQT	11/09/2024	Chấp thuận thôi giữ chức danh Phó Giám đốc đối với Ông Nguyễn Văn Kiều.	100%
26	24/2024/BBH-PCT-HĐQT	16/09/2024	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	100%
27	25/2024/BBH-PCT-HĐQT	18/09/2024	Phê duyệt kế hoạch mua xe ô tô.	100%
28	26/2024/BBH-PCT-HĐQT	30/09/2024	Bổ nhiệm Ông Hoàng Anh Quân giữ chức danh Phó Giám đốc Công ty.	100%

Được

29	27/2024/BBH-PCT-HĐQT	07/10/2024	Chấp thuận cho Ông Phạm Xuân Quang thôi giữ chức danh Phó Giám đốc.	100%
30	28/2024/BBH-PCT-HĐQT	09/10/2024	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.	100%
31	29/2024/BBH-PCT-HĐQT	17/10/2024	Chốt DSCĐ để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2024.	100%
32	30/2024/BBH-PCT-HĐQT	31/10/2024	Sửa đổi nội dung Nghị quyết HĐQT số 18/2024/NQ-PCT-HĐQT ngày 17/06/2024 thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; Các cam kết của Công ty; Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán.	100%
33	31/2024/BBH-PCT-HĐQT	31/10/2024	Đính chính thông tin tài liệu được phê duyệt thông qua tại ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024.	100%
34	32/2024/BBH-PCT-HĐQT	31/10/2024	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	100%
35	33/2024/BBH-PCT-HĐQT	08/11/2024	Phê duyệt “Kế hoạch mua tàu số 5 chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT (Tàu số 05)”.	100%
36	33A/2024/BBH-PCT-HĐQT	12/11/2024	Thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2024.	100%
37	33B/2024/BBH-PCT-HĐQT	29/11/2024	Thông qua nội dung cập nhật tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2024.	100%
38	34/2024/BBH-PCT-HĐQT	03/12/2024	Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; Các cam kết của Công ty; Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán.	100%
39	35/2024/BBH-PCT-HĐQT	03/12/2024	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	100%
40	36/2024/BBH-PCT-HĐQT	16/12/2024	Điều chỉnh phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.	100%
41	37/2024/BBH-PCT-HĐQT	25/12/2024	Phê duyệt định biên lao động và Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2024.	100%
42	38/2024/BBH-PCT-HĐQT	25/12/2024	Phê duyệt kết quả lựa chọn tàu số 05 chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT.	100%
43	39/2024/BBH-	25/12/2024	Đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng	100%



	PCT-HĐQT		TMCP Quân đội (MB) – Chi nhánh An Phú.	
44	40/2024/BBH-PCT-HĐQT	31/12/2024	Phê duyệt Quy định quản lý và Định mức tiêu thụ nhiên liệu, dầu nhớt Đội tàu Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific.	100%

d. Thông tin về thành viên BKS:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 31/05/2024	Cử nhân Kinh tế
2	Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	TV.BKS	Bổ nhiệm ngày 31/05/2024	Cử nhân Luật
3	Bà Chu Thị Mai Hương	TV.BKS	Bổ nhiệm ngày 31/05/2024	Cử nhân Kinh tế
4	Bà Đặng Thị Dung	Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024	
5	Bà Đào Ngọc Mai	TV.BKS	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024	
6	Bà Vũ Thị Thanh Thanh	TV.BKS	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024	

e. Cuộc họp của BKS:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	04/06	100%	100%	Bổ nhiệm ngày 31/5/2024
2	Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	04/06	100%	100%	Bổ nhiệm ngày 31/5/2024
3	Bà Chu Thị Mai Hương	04/06	100%	100%	Bổ nhiệm ngày 31/5/2024
4	Bà Đặng Thị Dung	02/06	100%	100%	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024
5	Bà Đào Ngọc Mai	02/06	100%	100%	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024
6	Bà Vũ Thị Thanh Thanh	02/06	100%	100%	Miễn nhiệm ngày 31/05/2024

f. Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Võ Ngọc Phụng	10/12/1981	Thạc sỹ Kỹ thuật	Bổ nhiệm ngày

ba

			cơ khí động lực	16/04/2024
2	Đoàn Nguyên Sơn	04/08/1976	Thạc sỹ Kỹ thuật cơ khí động lực	Bỏ nhiệm ngày 01/09/2022
3	Nguyễn Thị Hồng Thúy	12/01/1977	Cử nhân Quản trị kinh doanh, cử nhân Luật	Bỏ nhiệm ngày 01/07/2024
4	Hoàng Anh Quân	11/03/1999	Cử nhân Kế toán	Bỏ nhiệm ngày 01/10/2024
5	Phạm Xuân Quang	04/09/1980	Thạc sỹ kế toán	Bỏ nhiệm ngày 06/05/2024 Miễn nhiệm ngày 04/11/2024
6	Nguyễn Sơn Lâm	09/04/1981	Kỹ sư máy tàu thủy	Bỏ nhiệm ngày 04/04/2024 Miễn nhiệm ngày 16/08/2024
7	Nguyễn Văn Kiều	18/10/1977	Cử nhân điều khiển tàu biển	Bỏ nhiệm ngày 01/09/2022 Miễn nhiệm ngày 16/09/2024
8	Lê Thị Mai	24/06/1987	Thạc sỹ Kế toán	Bỏ nhiệm ngày 31/08/2022 Miễn nhiệm ngày 16/04/2024

g. Kế toán trưởng:

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bỏ nhiệm/ miễn nhiệm
Lê Thanh Chi	25/09/1985	Cử nhân Kế toán	01/06/2022

3.3. Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty

a. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Năm 2024 là một năm khó khăn cho nền kinh tế thế giới do tình hình chính trị thế giới diễn biến phức tạp, xung đột leo thang và kéo dài ở nhiều nơi trên thế giới. Cuộc chiến tranh Nga – Ukraine vẫn tiếp diễn, khó lường; căng thẳng tại khu vực Biển Đỏ, bất ổn ở Trung Đông gây tiềm ẩn nhiều rủi ro cho thị trường vận tải nói chung và vận tải dầu khí nói riêng.

Về lãi suất Cục Dự trữ liên bang Mỹ đã giảm lãi suất ba lần trong năm 2024 về mức 4,25 - 4,5% (giảm 0,75%) và dự kiến sẽ có lộ trình tiếp tục giảm lãi trong năm 2025. Lãi suất thấp sẽ kích thích tiêu dùng, đầu tư, thương mại tại các nước nói chung và giúp giảm lãi suất các khoản vay đầu tư tàu của PCT tại các ngân hàng.

Trong năm 2024, Công ty luôn duy trì hoạt động trong lĩnh vực vận tải đường thủy và quản lý tàu cùng với những thay đổi phù hợp với tình hình mới đã đạt được những hiệu

quả nhất định, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư tàu Windsor để đưa vào kinh doanh và đã hoàn thành kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch 2024 (NQ 01/NQ-PCT-ĐHCD)	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH/KH2024
1	Tổng doanh thu	403.931	540.057	134%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	51.888	110.064	212%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	41.85	87.787	210%
4	Nộp NSNN	10.035	23.614	235%

b. Kết quả kinh doanh theo loại hình

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng	Bán hàng	Vận tải & khác
I	DOANH THU			
1	Doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	540.057	8.996	531.061
2	Doanh thu tài chính	5.135		
3	Thu nhập khác	338		
II	CHI PHÍ			
1	Giá vốn hàng bán	337.617	8.836	328.781
2	Chi phí tài chính	74.590		
3	Chi phí quản lý	23.210		
4	Chi phí khác	49		
	LÃI / LỖ	110.064		

c. Đầu tư, thanh lý tài sản

Trong năm 2024, Công ty thực hiện đầu tư thành công đối với tàu Windsor như kế hoạch được phê duyệt tại ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024 và một số tài sản khác với giá trị đầu tư như sau:

- Đầu tư tàu Windsor với nguyên giá : 570.893 triệu đồng.
- Đầu tư Xe ô tô M8 2.0T với nguyên giá : 1.833,9 triệu đồng.
- Mua sắm thiết bị văn phòng : 378,4 triệu đồng.

3.4. Công tác xây dựng và thực hiện các quy định của Công ty

Với hệ thống các quy chế, quy định đã tương đối hoàn thiện, năm 2024 Công ty tiếp tục triển khai và thực hiện theo đúng các quy định đề ra đảm bảo tính hiệu quả và có thể giám sát được trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được lập theo đúng các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Công ty áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, các chính sách kế toán như nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền; ghi nhận hàng tồn kho, ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, ghi nhận doanh thu, chi phí... được Công ty áp dụng một cách phù hợp nhất quán.

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam. Tại báo cáo có ý kiến của kiểm toán như sau: "*Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính*".

BKS thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024. BKS nhất trí với báo cáo kiểm toán của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024.

Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ của tổ chức niêm yết theo đúng quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

III. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

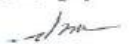
Hội đồng quản trị, Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ và luôn có sự phối hợp chặt chẽ, độc lập, khách quan trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

PHẦN B

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Qua công tác giám sát và kiểm tra, BKS nhận thấy các hoạt động của Công ty trong năm qua tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết



của HĐQT. Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho doanh nghiệp niêm yết.

II. KIẾN NGHỊ

BKS kiến nghị HĐQT, Ban Giám đốc một số nội dung sau:

- Khai thác và sử dụng hiệu quả tài sản, thường xuyên đánh giá hiệu quả đầu tư tài chính, xem xét và kiểm soát nợ vay.
- Tiếp tục triển khai, kiểm soát chiến lược công nghệ thông tin, cơ chế kiểm soát bảo mật an toàn thông tin.
- HĐQT tiếp tục chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, lựa chọn và tập trung các nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư mở rộng có hiệu quả.
- Thực hiện tốt công tác quản lý đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo tiến độ thi công, chất lượng công trình, chi phí.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách nhân sự và luân chuyển nhân sự phù hợp với hiện tại và nhu cầu phát triển của công ty nói chung và đào tạo nâng cao chuyên môn của kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, quản lý chất lượng nói riêng.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024. Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM: BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẠN TÀI BIỂN
GLOBAL PACIFIC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

Nguyễn Thị Ngọc Đẹp



**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

Thực hiện Nghị quyết số 01/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 29/02/2024, Nghị quyết số 02/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 31/05/2024 và Nghị quyết số 03/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 03/12/2024 của Đại hội đồng cổ đông, Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific xin tổng kết kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024 và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Tình hình SXKD năm 2024

Năm 2024, mặc dù vẫn còn những dư âm từ khó khăn kinh tế toàn cầu năm 2023, bức tranh của ngành vận tải biển đã có những gam màu sáng hơn. Việc các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới như Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED), Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) phát đi tín hiệu về khả năng ngừng tăng lãi suất, thậm chí có thể giảm lãi suất trong tương lai gần, đã góp phần giảm bớt áp lực lên nền kinh tế.

Tuy nhiên, những thách thức vẫn còn hiện hữu. Căng thẳng địa chính trị vẫn diễn biến phức tạp, đặc biệt là xung đột Nga - Ukraine kéo dài và những bất ổn mới ở khu vực Trung Đông (như căng thẳng Biển Đỏ) đã và đang tác động đến chuỗi cung ứng toàn cầu, làm tăng chi phí vận tải và bảo hiểm. Bên cạnh đó, vấn đề về an ninh hàng hải, đặc biệt là tại các tuyến đường biển quan trọng, cũng gây ra những lo ngại cho các doanh nghiệp vận tải.

Đối với Việt Nam, trong khi hoạt động xuất nhập khẩu có dấu hiệu phục hồi, vẫn còn nhiều yếu tố cần theo dõi sát sao. Các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như CPTPP, EVFTA tiếp tục mở ra cơ hội, nhưng cũng đặt ra những thách thức về cạnh tranh và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

Trong bối cảnh đó, lĩnh vực cảng biển và vận tải biển Việt Nam năm 2024 chứng kiến sự phục hồi không đồng đều. Giá cước vận tải biển, sau giai đoạn giảm sâu, đã bắt đầu có dấu hiệu tăng trở lại ở một số tuyến, nhưng vẫn còn biến động và chưa thực sự ổn định. Nhu cầu vận chuyên có sự cải thiện so với năm 2023, nhưng chưa đạt được mức trước đại dịch. Các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam tiếp tục phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các hãng tàu nước ngoài, cũng như áp lực về chi phí nhiên liệu, nhân công và các



quy định về bảo vệ môi trường ngày càng khắt khe (như các quy định của IMO về giảm phát thải).

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển và quản lý tàu, đồng thời chủ động thích ứng với tình hình mới. Việc tập trung vào tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động, đầu tư vào công nghệ và đào tạo nhân lực là những giải pháp được ưu tiên. Công ty cũng chú trọng đến việc mở rộng thị trường, tìm kiếm các cơ hội hợp tác và liên kết để tăng cường năng lực cạnh tranh.

Trước những cơ hội và thách thức đan xen, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị (HDQT), sự quyết tâm của Ban Giám đốc, sự đồng lòng của toàn thể người lao động và đặc biệt là sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ thuyền viên, Công ty đã hoàn thành các mục tiêu kế hoạch năm 2024, hướng tới sự phát triển bền vững trong tương lai.

Các chỉ tiêu tài chính đạt được:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch 2024 (NQ 01/2024/NQ-PCT-ĐHCĐ)	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH2024/2023	Tỷ lệ TH/KH 2024
1	Tổng doanh thu	403.931	409.437	540.057	132%	134%
2	Lợi nhuận trước thuế	51.888	47.108	110.064	235%	212%
3	Lợi nhuận sau thuế	41.853	37.724	87.787	234%	210%
4	Nộp NSNN	10.035	9.990	23.614	236%	235%

(Tổng doanh thu bao gồm: doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu tài chính và thu nhập khác)

Kết quả SXKD đạt được năm 2024:

- Chỉ tiêu Tổng doanh thu đạt 540.057 triệu đồng, hoàn thành 134% kế hoạch đặt ra, tăng 32% so với thực hiện năm 2023.
- Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 110.064 triệu đồng, hoàn thành 212% kế hoạch đặt ra, tăng 135% so với thực hiện năm 2023.
- Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế đạt 87.787 triệu đồng, hoàn thành 210% kế hoạch đặt ra, tăng 134% so với thực hiện năm 2023.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 thu được những kết quả khả quan như vậy là do bối cảnh nhu cầu vận tải tăng, nguồn cung tàu không tăng, giá cước cải thiện, các tài sản đầu tư đem lại hiệu quả tốt góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2024. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tăng cường công tác quản lý, quản trị, giám sát chặt chẽ chi phí SXKD để đạt được các chỉ tiêu theo kế hoạch năm đã đề ra.

2. Đầu tư và thanh lý tài sản

Trong năm 2024, Công ty thực hiện đầu tư thành công đối với tàu số 04 - tàu Windsor và triển khai đầu tư tàu số 05 như kế hoạch được phê duyệt tại ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024 và một số tài sản khác như sau:

- Đầu tư tàu Windsor: Dự án đầu tư tàu chở dầu sản phẩm/ hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (tàu số 04) được triển khai từ tháng 6/2024 và đã hoàn thành bằng việc mua thành công tàu Windsor trong tháng 7/2024. Sau khi Công ty nhận bàn giao từ chủ tàu là Công ty TNHH vận tải biển Châu Á Thái Bình Dương vào ngày 17/7/2024, tàu Windsor đăng ký treo cờ Panama, phân cấp KR và ký hợp đồng khai thác trong Pool Maersk Tankers (MAERSK TANKERS A/S), tuyến hoạt động: Toàn cầu (Worldwide).

Nguyên giá tài sản: 570.893 triệu đồng.

- Đầu tư tàu PCT-Artemis: Dự án đầu tư tàu chở dầu sản phẩm/ hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 25.000 DWT (tàu số 05) được triển khai từ tháng 6/2024 và đã hoàn thành bằng việc mua thành công tàu PCT-Artemis (tên cũ là Opec Victory) trong tháng 01/2025.

- Mua sắm thiết bị văn phòng, phương tiện đi lại: 2.212 triệu đồng.

3. Công tác quản lý tài chính

Công tác quản lý tài chính của Công ty luôn được thực hiện chặt chẽ theo Quy chế quản lý tài chính. Với nguồn tiền thu được từ hoạt động kinh doanh và thanh lý tài sản, Công ty đã kịp thời cân đối dòng tiền trên cơ sở nhu cầu thu/ chi trong tháng và thực hiện đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng.

4. Công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp


4.1 Công tác quản lý, nhân sự

Năm 2024, đội ngũ chuyên viên kỹ thuật, an toàn, quản lý làm việc tại văn phòng đến hết quý 4 năm 2024 là 61 người. Đến cuối năm 2024, với đội tàu gồm 04 tàu dầu/ hóa chất, số lượng người lao động công ty là 175 người (trong đó đội ngũ thuyền viên là 114 người).

4.2 Công tác an sinh xã hội, hoạt động đoàn thể

- Năm 2024, Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, trả thưởng cho người lao động, thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

- Công tác nhân sự của Công ty tiếp tục được kiện toàn, góp phần nâng cao tính kiểm soát và chuyên môn hóa công tác quản lý của Công ty, đáp ứng yêu cầu của trong giai đoạn phát triển.

- Công đoàn và Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong các hoạt động phong trào văn hóa và thể thao; các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động: gặp mặt lao động nữ nhân ngày 8/3, 20/10; tặng quà cho các cháu thiếu nhi ngày 1/6; tổ chức thăm hỏi chu đáo gia đình thuyền viên các dịp lễ, tết; tặng quà cho người lao động dịp Tết nguyên đán... 

5. Đánh giá chung những kết quả đạt được

Năm 2024 tiếp tục là một năm phục hồi cho các doanh nghiệp vận tải dầu khí, với giá thuê tàu chở dầu duy trì ở mức cao hơn năm trước, tiếp nối xu hướng tăng trưởng của thị trường vận tải dầu toàn cầu. Công ty đã duy trì hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực vận tải biển và quản lý tàu, đồng thời linh hoạt thích ứng với những biến động của thị trường. Nhờ sự lãnh đạo quyết đoán của Ban Giám đốc, sự chỉ đạo sát sao và hiệu quả của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cùng với sự ủng hộ của các cổ đông và nỗ lực của toàn thể người lao động, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

II. KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2025

1. Căn cứ xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch

Bước sang năm 2025, kinh tế toàn cầu vẫn đối mặt với nhiều thách thức, nhưng đã xuất hiện những tín hiệu tích cực cho thấy sự phục hồi. Các dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 nhìn chung được cải thiện so với năm 2024. Chẳng hạn, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt 2.7% trong năm 2025, tăng nhẹ so với năm 2024. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng đưa ra dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2025 ổn định.

Tuy nhiên, các chuyên gia kinh tế vẫn lưu ý về những rủi ro tiềm ẩn, bao gồm lạm phát dai dẳng, tình hình chính trị thế giới có những diễn biến phức tạp căng thẳng địa chính trị được dự báo gia tăng sẽ tác động không nhỏ đến tình hình kinh tế của thế giới và biến động trên thị trường tài chính. Mặc dù vậy, Việt Nam vẫn được đánh giá là một điểm sáng trong bức tranh kinh tế toàn cầu. Nhiều tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2025 sẽ đạt khoảng 6.5%, tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định.

Đối với thị trường tàu chở hóa chất, Clarksons Research dự báo nhu cầu vận tải sẽ tiếp tục tăng trưởng trong năm 2025, nhờ vào sự phát triển của ngành công nghiệp hóa chất, đặc biệt là ở khu vực châu Á. Nguồn cung tàu mới dự kiến sẽ hạn chế do các quy định về môi trường ngày càng nghiêm ngặt. Điều này sẽ góp phần hỗ trợ giá cước vận tải và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vận tải hóa chất.

2. Nhiệm vụ kế hoạch

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quản lý và khai thác của đội tàu Công ty sở hữu và dịch vụ quản lý tàu cho đối tác.
- Nghiên cứu, tìm kiếm, mở rộng thị trường đối với dòng tàu dầu/ hóa chất mà Công ty sở hữu và các tàu dự kiến được đầu tư đóng mới trong tương lai.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại Công ty, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành; rà soát, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, công tác đào tạo, tuyển dụng nhằm bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10% vốn điều lệ tương đương 50 tỷ đồng, qua đó tăng vốn điều lệ Công ty từ 500 tỷ đồng lên 550 tỷ đồng.
- Triển khai thực hiện đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/ hóa chất có trọng tải 25.900 DWT.
- Tổ chức sửa chữa định kỳ và trung gian cho tàu Goby, tàu Windsor và tàu PCT-Artemis đảm bảo đúng tiến độ với chi phí phù hợp và đảm bảo kế hoạch khai thác tàu.

2.1. Các chỉ tiêu tài chính của kế hoạch năm 2025

Theo nội dung được trình bày tại Tờ trình về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Hội đồng quản trị được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, các chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2025
Tổng doanh thu	810.550
Lợi nhuận trước thuế	105.717
Lợi nhuận sau thuế	84.353
Nộp NSNN	21.365

2.2. Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2025

Giải pháp về kinh doanh, khai thác:

- Sắp xếp, bố trí tàu một cách tối ưu, tiếp tục duy trì cơ chế phối hợp và xây dựng kế hoạch khai thác nhằm giữ vững thị trường vận tải dầu/ hóa chất.
- Theo dõi sát diễn biến thị trường mua bán tàu; tích cực làm việc với các nhà môi giới, các chủ hàng trong khu vực để có thông tin diễn biến thị trường mua bán tàu, thị trường cước tàu, yêu cầu quản lý và các yếu tố chi phí để hoàn tất dự án đầu tư.
- Tiếp tục duy trì và xây dựng mối liên kết với các đối tác thuê tàu, tạo điều kiện cho hoạt động khai thác tàu được thuận lợi nhằm mục tiêu mở rộng thị trường.
- Tăng cường công tác marketing, xây dựng và mở rộng mối quan hệ, phối hợp với: khách hàng, cảng vụ, đăng kiểm, kho cảng, đại lý, mạng lưới brokers...

Giải pháp về quản lý, tổ chức:

- Tăng cường công tác bảo dưỡng, sửa chữa và cung cấp kịp thời vật tư trang thiết bị, đảm bảo các điều kiện kỹ thuật của đội tàu luôn ở trạng thái tốt, hạn chế đến mức thấp nhất thời gian tàu dừng vì lý do kỹ thuật. Duy trì SIRE của các Oil Major cho đội tàu Công ty.
- Tập trung hoàn thiện và nâng cao công tác quản lý, quản trị và bộ máy tổ chức tại PCT. Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện quy chế, quy định, các định mức kinh tế kỹ thuật, Hệ thống quản lý an toàn (ISM code) và MLC 2006, nâng cấp Hệ thống quản lý chất

lượng (ISO 9001:2015) để góp phần giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường tiết kiệm chi phí, công tác kiểm tra/ kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh công nợ khó đòi, không để phát sinh những khoản nợ xấu.

- Xây dựng, cải thiện môi trường làm việc tốt để người lao động được đóng góp và phát huy tối đa năng lực. Tích cực thu hút lao động giỏi, quan tâm và cải thiện đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho người lao động, tạo môi trường làm việc đoàn kết, gắn bó trong Công ty.

Trên đây là Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 cũng như định hướng kinh doanh trong năm 2025. Với sự ủng hộ của cổ đông, sự chỉ đạo sát sao và hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và tập thể người lao động sẽ nỗ lực, cố gắng phát huy năng lực của mình để hoàn thành kế hoạch năm 2025.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT, BKS;
- Lưu: VT, DH (1b).

**GIÁM ĐỐC**
[Signature]
Võ Ngọc Phụng



số 10/TTr-PCT-HĐQT ngày 11/9/2023. Mục đích sử dụng của đợt phát hành sau khi thay đổi như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền sử dụng (đồng)
1	Thanh toán tiền mua tàu Loyal.	150.735.576.000
2	Bổ sung nguồn vốn kinh doanh và nguồn vốn lưu động của Công ty.	73.620.394.000
	Tổng cộng	224.355.970.000

Tuy nhiên do thực tế thị trường mua bán tàu thay đổi liên tục, cam kết với đối tác và tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm năm 2023, Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán như sau:

STT	Thực tế sử dụng vốn	Số tiền sử dụng (đồng)
1	Hoàn trả tiền đặt cọc thuê tàu cho Công ty TNHH Gas Venus.	150.000.000.000
2	Thanh toán theo hợp đồng mua bán khí hóa lỏng số 02/2023VN-PCT.	74.000.000.000
3	Thanh toán tiền mua bảo hiểm tàu Loyal, phí ngân hàng thanh toán tiền mua tàu Loyal.	355.970.000
	Tổng cộng	224.355.970.000

Đối với các khoản tiền 150.000.000.000 đồng để hoàn trả tiền đặt cọc thuê tàu cho Công ty TNHH Gas Venus và khoản tiền 355.970.000 đồng để thanh toán tiền mua bảo hiểm tàu Loyal, phí ngân hàng thanh toán tiền mua tàu Loyal, số tiền này đều cho mục đích mua tàu chở dầu/hóa chất số 03 có trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT (tàu Loyal). Tổng số tiền chênh lệch: ít hơn 379.606.000 đồng so với phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ năm 2023 (lấy ý kiến bằng văn bản) thông qua. Do biến động của thị trường, để mua được tàu số 03 (tàu Loyal), ngày 25/7/2023, Công ty đã ký Hợp đồng mua bán tàu số 2507/2023/OVTRANS-PCT với Công ty TNHH Dịch vụ vận tải dầu khí OVTRANS. Ngày 27/7/2023, Công ty đã ký hợp đồng cho thuê tàu Loyal với Công ty TNHH Gas Venus và Công ty TNHH Gas Venus đã chuyển tiền ký quỹ thuê tàu cho Công ty với số tiền là 150.000.000.000 đồng. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán tàu với Công ty TNHH Dịch vụ vận tải dầu khí OVTRANS, Công ty phải đặt cọc tiền mua tàu là 150.000.000.000 đồng cho Công ty TNHH Dịch vụ vận tải dầu khí OVTRANS và Công ty đã dùng số tiền ký quỹ nhận từ Công ty TNHH Gas Venus để thanh toán tiền đặt cọc cho Công ty TNHH Dịch vụ vận tải dầu khí OVTRANS vào ngày 04/8/2023 và ngày 07/8/2023. Ngoài ra, Công ty phải thực hiện thanh toán số tiền mua tàu còn lại cho Công ty TNHH Dịch vụ vận tải dầu khí OVTRANS trước khi hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu

ra công chúng năm 2023; do đó, Công ty đã huy động các nguồn vốn khác để thực hiện mục đích này.

Vì lý do khách quan, Công ty đã không cho thuê tàu Loyal và phải hoàn trả tiền ký quỹ cho Công ty TNHH Gas Venus. Ngày 11/9/2023, Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2023 để hoàn trả tiền ký quỹ cho Công ty TNHH Gas Venus.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã sử dụng số tiền 74.000.000.000 đồng để thanh toán tiền đặt cọc mua khí LPG. Việc sử dụng số tiền nêu trên phục vụ cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty. Số tiền chênh lệch: nhiều hơn 379.606.000 đồng so với phương án sử dụng vốn đã được ĐHCĐ năm 2023 (lấy ý kiến bằng văn bản) thông qua.

Như vậy, Hội đồng quản trị kính trình đến Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt phát hành thêm cổ phiếu năm 2023 như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền sử dụng (đồng)
1	Hoàn trả tiền đặt cọc thuê tàu cho Công ty TNHH Gas Venus.	150.000.000.000
2	Thanh toán theo hợp đồng mua bán khí hóa lỏng số 02/2023VN-PCT.	74.000.000.000
3	Thanh toán tiền mua bảo hiểm tàu Loyal, phí ngân hàng thanh toán tiền mua tàu Loyal.	355.970.000
	Tổng cộng	224.355.970.000

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: HĐQT, DH (1b).



**BÁO CÁO THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU
CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU ĐỂ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ
NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.


- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 31/5/2024 của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2024 Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific;
- Căn cứ Nghị quyết số 34/2024/NQ-PCT-HĐQT ngày 03/12/2024 của Hội đồng quản trị về việc thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; Các cam kết của Công ty; Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán;
- Căn cứ Nghị quyết số 35/2024/NQ-PCT-HĐQT ngày 03/12/2024 của Hội đồng quản trị về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2024 đã thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện phương án chào bán này như sau:

Công ty đã nộp hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tại Ủy ban chứng khoán Nhà nước trong tháng 9/2024 và đang trong quá trình giải trình, hoàn thiện hồ sơ. Theo đó, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 34/2024/NQ-PCT-HĐQT ngày 03/12/2024 về việc thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; Các cam kết của Công ty; Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

Thông qua việc tiếp tục thực hiện và sửa đổi Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2024 thông qua tại Tờ trình số 18/TTr-PCT-HĐQT ngày 25/4/2024 (Tờ trình số 18) như sau:

Nội dung	Tờ trình số 18	Nội dung sửa đổi
Thời gian dự kiến chào bán	Năm 2024, sau khi được UBCKNN chấp thuận. Ủy quyền cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định của Pháp luật.	Dự kiến từ quý 2 năm 2025, ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời gian cụ thể sau khi nhận được quyết định chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu dự kiến là 333.569.950.000 đồng được dùng để bổ sung vốn đầu tư tàu số 05 chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT và trả nợ vay Ngân hàng.	Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng là 333.569.960.000 đồng được dùng để bổ sung vốn đầu tư tàu số 05 chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT và trả nợ vay ngân hàng, cụ thể: 

Stt	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền giải ngân (VND)	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Bổ sung vốn đầu tư tàu số 05 chở dầu sản phẩm/hóa chất có trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT	293.862.000.000	Từ Quý 3/2024
2	Trả nợ vay Ngân hàng	39.707.950.000	Từ Quý 3/2024
Tổng		333.569.960.000	

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán sau khi xử lý vẫn không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công ty sẽ ưu tiên sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo thứ tự như sau:

- 1) Bổ sung vốn đầu tư tàu số 05 chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT;
- 2) Trả nợ vay Ngân hàng.

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền giải ngân (VND)	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Bổ sung vốn đầu tư tàu số 05 chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT	293.862.000.000	Từ Quý 2/2025
2	Trả nợ vay Ngân hàng Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn	39.707.960.000	Từ Quý 2/2025
-	Hợp đồng tín dụng số 0017-2023-HĐTD1-BVB067 ngày 21/02/2023 theo Khế ước nhận nợ số 0017.01-2023-KUNNI-BVB067 ngày 22/02/2023		
Tổng cộng		333.569.960.000	

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán sau khi xử lý vẫn không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì Công ty sẽ ưu tiên sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo thứ tự như sau:

- 1) Bổ sung vốn đầu tư tàu số 05 chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT;
- 2) Trả nợ vay ngân hàng Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn.

Được

Các nội dung còn lại của Phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty theo Tờ trình số 18 đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 02/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 31/5/2024 không sửa đổi và vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: HĐQT, DH (1b).



TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024
và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific trong năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	403.931	540.057	134%
2	Lợi nhuận trước thuế	51.888	110.064	212%
3	Lợi nhuận sau thuế	41.853	87.787	210%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	10.035	23.614	235%

2. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các vấn đề sau:

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024;
- Phê duyệt kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Trung Quốc

Deloitte



MAKING AN
IMPACT THAT
MATTERS

Since 1845

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC
(Trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT VIỆT NAM)

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại - Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus)
3A-3B Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại - Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus)
3A-3B Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam) (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Trung Quốc	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Ông Võ Ngọc Phụng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Ông Lê Anh Nam	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Ông Phạm Xuân Quang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024 và miễn nhiệm ngày 03 tháng 12 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Lê Thị Mai	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Sơn Lâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Ông Lê Hoàng Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 2 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Võ Ngọc Phụng	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2024)
Bà Lê Thị Mai	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Sơn Lâm	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2024 và miễn nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2024)
Ông Đoàn Nguyên Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kiều	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2024)
Ông Hoàng Anh Quân	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2024 và có đơn từ nhiệm tại ngày 26 tháng 02 năm 2025)
Ông Phạm Xuân Quang	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2024 và miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024 và có đơn từ nhiệm tại ngày 27 tháng 02 năm 2025)
Bà Đặng Thị Dung	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Chu Thị Mai Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Đào Ngọc Mai	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Vũ Thị Thanh Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại - Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus)

3A-3B Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Võ Ngọc Phụng

Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Số: 0-265 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam) (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2025, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 22 tháng 02 năm 2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2023-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Hoàng Quốc Trí
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4773-2024-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		403.056.652.360	192.219.925.992
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	23.172.556.710	32.387.160.779
1. Tiền	111		23.172.556.710	9.187.160.779
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	23.200.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		253.009.326.139	54.164.432.160
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	52.304.305.824	66.899.471.084
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	225.494.324.253	18.354.878.157
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	9.778.438.760	3.477.825.617
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(34.567.742.698)	(34.567.742.698)
III. Hàng tồn kho	140		11.734.878.250	5.207.125.253
1. Hàng tồn kho	141	9	11.734.878.250	5.207.125.253
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		115.139.891.261	100.461.207.800
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	11.035.304.003	847.738.785
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12	104.104.487.258	99.613.369.015
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		100.000	100.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.495.682.542.916	1.046.312.313.752
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.200.000.000	2.200.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	2.200.000.000	2.200.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.454.379.201.348	1.034.382.370.105
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.454.379.201.348	1.034.344.370.105
- Nguyên giá	222		1.705.015.090.810	1.131.987.179.136
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(250.635.889.462)	(97.642.809.031)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	38.000.000
- Nguyên giá	228		-	746.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(708.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		64.928.238	668.382.627
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		64.928.238	668.382.627
IV. Tài sản dài hạn khác	260		39.038.413.330	9.061.561.020
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	38.516.903.366	7.705.338.890
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	521.509.964	1.356.222.130
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.898.739.195.276	1.238.532.239.744

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.238.388.464.637	662.762.548.461
I. Nợ ngắn hạn	310		288.723.375.147	167.945.191.331
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	33.274.850.892	6.542.246.853
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		54.677.176	10.495.360
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	20.628.543.978	3.724.846.159
4. Phải trả người lao động	314	16	11.591.585.791	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.883.536.729	1.316.455.341
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	1.615.407.113	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.719.954.620	1.762.501.554
8. Vay ngắn hạn	320	20	214.262.267.640	154.526.571.432
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	692.551.208	62.074.632
II. Nợ dài hạn	330		949.665.089.490	494.817.357.130
1. Vay dài hạn	338	20	949.665.089.490	494.817.357.130
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		660.350.730.639	575.769.691.283
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	660.350.730.639	575.769.691.283
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.354.930.000	500.354.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.354.930.000	500.354.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(288.400.000)	(223.600.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		69.839.178.790	839.178.790
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.918.499.046	1.918.499.046
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		88.526.522.803	72.880.683.447
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		740.000.251	35.156.637.790
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		87.786.522.552	37.724.045.657
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.898.739.195.276	1.238.532.239.744


 Trương Đỗ Thanh Ngân
 Người lập biểu


 Lê Thanh Chi
 Kế toán trưởng




 Võ Ngọc Phụng
 Giám đốc
 Ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	540.056.890.013	409.437.422.193
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		540.056.890.013	409.437.422.193
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	337.616.869.782	285.696.199.162
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		202.440.020.231	123.741.223.031
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	5.134.959.455	3.661.621.523
6. Chi phí tài chính	22	29	74.589.960.105	68.820.951.271
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		72.734.156.475	67.609.076.069
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	23.210.159.578	12.203.086.283
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		109.774.860.003	46.378.807.000
9. Thu nhập khác	31		338.349.498	762.798.643
10. Chi phí khác	32		49.076.825	33.864.811
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		289.272.673	728.933.832
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		110.064.132.676	47.107.740.832
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	21.442.897.958	10.642.837.853
14. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	834.712.166	(1.259.142.678)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		87.786.522.552	37.724.045.657
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.632	1.017


 Trương Đỗ Thanh Ngân
 Người lập biểu


 Lê Thanh Chi
 Kế toán trưởng


 Võ Ngọc Phụng
 Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	110.064.132.676	47.107.740.832
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	153.059.821.788	87.913.613.914
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	82.255.599	(611.426.989)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.004.068.835)	(575.804.218)
Chi phí lãi vay	06	72.734.156.475	67.609.076.069
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	334.936.297.703	201.443.199.608
Thay đổi các khoản phải thu	09	4.122.256.743	38.261.325.586
Thay đổi hàng tồn kho	10	(6.527.752.997)	(3.473.451.346)
Thay đổi các khoản phải trả	11	43.257.348.799	2.604.189.882
Thay đổi chi phí trả trước	12	(40.999.129.694)	(5.534.926.260)
Tiền lãi vay đã trả	14	(71.798.323.708)	(66.853.564.616)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.674.282.742)	(8.019.794.853)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.575.006.620)	(1.060.390.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	255.741.407.484	157.366.588.001
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(780.591.029.856)	(781.697.996.196)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.053.145.660	575.804.218
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(779.537.884.196)	(781.122.191.978)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	224.132.370.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	669.110.000.000	532.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(154.526.571.432)	(112.874.571.432)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	514.583.428.568	643.257.798.568
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(9.213.048.144)	19.502.194.591
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	32.387.160.779	12.877.264.780
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.555.925)	7.701.408
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	23.172.556.710	32.387.160.779

Trương Đỗ Thanh Ngân
 Người lập biểu

Lê Thanh Chi
 Kế toán trưởng



Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC
Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại
Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Tôn Đức Thắng
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

MÃU SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Global Pacific (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 6 năm 2007. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 20 ngày 16 tháng 11 năm 2018 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận Tải Khí và Hóa Chất Việt Nam. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 27, ngày 25 tháng 3 năm 2024, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Global Pacific. Hiện nay, Công ty đang hoạt động với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020272 thay đổi lần số 29 ngày 26 tháng 6 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 12 tháng 9 năm 2011, với mã chứng khoán là PCT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 183 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 129 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê tàu biển, tư vấn quản lý tàu biển và mua bán hàng hóa khí hóa lỏng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 11
Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	03 - 08

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí sửa chữa tàu định kỳ và phản ánh tình hình quyết toán chi phí sửa chữa tàu định kỳ. Các chi phí này sẽ được chuyển sang chi phí trả trước và phân bổ từ thời điểm hoàn thành sửa chữa cho đến thời điểm sửa chữa tàu định kỳ tiếp theo.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm bao gồm các khoản phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, kiểm tra tàu và sửa chữa định kỳ tàu, phí thuê văn phòng, công cụ dụng cụ và các khoản phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Đối với tài sản cố định là tàu vận tải thì việc sửa chữa lớn sẽ mang tính chất định kỳ, bao gồm các chi phí sửa chữa và duy tu tàu theo yêu cầu kỹ thuật nhằm khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của tàu. Chi phí sửa chữa lớn và duy tu định kỳ sẽ được ghi nhận khi thực tế phát sinh và phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ ngày phát sinh đến kỳ sửa chữa tiếp theo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán cho dịch vụ vận tải chưa được chuyển giao. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác nếu có sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	279.105.188	14.768.183
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.893.451.522	9.172.392.596
Các khoản tương đương tiền	-	23.200.000.000
	23.172.556.710	32.387.160.779

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Maersk Tankers A/S	25.090.116.102	-
Lucky Ocean Shipping Company Limited	15.017.952.005	15.562.203.860
Công ty TNHH Dahasa	-	38.039.046.980
Các khách hàng khác	12.196.237.717	13.298.220.244
	52.304.305.824	66.899.471.084

6. NỢ KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu khách hàng						
Lucky Ocean Shipping Company Limited	15.017.952.005	532.961.224	14.484.990.781	15.562.203.860	1.077.213.079	14.484.990.781
Công ty TNHH TMDV Khí đốt Nam Việt	3.621.148.541	-	3.621.148.541	3.621.148.541	-	3.621.148.541
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.137.576.627	66.057.751	3.071.518.876	3.196.674.221	125.155.345	3.071.518.876
Các khoản trả trước cho người bán						
Công ty TNHH Thủy sản HMP	13.381.028.500	-	13.381.028.500	13.381.028.500	-	13.381.028.500
Các khoản trả trước cho người bán khác	-	-	-	34.507.860	34.507.860	-
Các khoản phải thu khác	9.056.000	-	9.056.000	9.056.000	-	9.056.000
	35.166.761.673	599.018.975	34.567.742.698	35.804.618.982	1.236.876.284	34.567.742.698

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương (*)	207.485.300.000	-
Công ty TNHH Thủy sản HMP	13.381.028.500	13.381.028.500
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng hải Hưng Phát	-	2.400.000.000
Khác	4.627.995.753	2.573.849.657
	225.494.324.253	18.354.878.157

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư trả trước cho Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương là khoản trả trước liên quan đến hợp đồng mua tàu số 05 – tàu PCT Artemis (tên cũ: Opec Victory).

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu từ các công ty bảo hiểm (*)	6.187.916.234	214.928.138
Tạm ứng cho nhân viên	1.670.994.567	2.079.889.419
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	317.696.760	538.741.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.601.831.199	644.267.060
	9.778.438.760	3.477.825.617
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ dài hạn	2.200.000.000	2.200.000.000

(*) Đây là các khoản phải thu bồi thường bảo hiểm cho các chi phí sửa chữa liên quan đến các sự cố tàu. Tại ngày lập báo cáo, Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục, hồ sơ để thu hồi lại các khoản bồi thường này từ các công ty bảo hiểm.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.711.616.840	4.928.665.262
Công cụ, dụng cụ	4.023.261.410	140.323.428
Hàng hóa	-	138.136.563
	11.734.878.250	5.207.125.253

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phí thuê văn phòng	8.507.065.933	-
Phí bảo hiểm	1.745.703.744	847.738.785
Chi phí ấn phẩm hàng hải, hải đồ điện tử	782.534.326	-
	11.035.304.003	847.738.785
b. Dài hạn		
Phí đăng kiểm, kiểm tra tàu và sửa chữa định kỳ	34.079.470.299	7.671.739.984
Chi phí tư vấn tài chính	3.651.699.999	-
Công cụ, dụng cụ	785.733.068	33.598.906
	38.516.903.366	7.705.338.890

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	623.873.636	1.130.825.616.649	537.688.851	1.131.987.179.136
Tăng trong năm	-	572.727.315.174	378.414.682	573.105.729.856
Xóa số	-	-	(77.818.182)	(77.818.182)
Số dư cuối năm	623.873.636	1.703.552.931.823	838.285.351	1.705.015.090.810
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu năm	413.573.799	96.818.375.608	410.859.624	97.642.809.031
Khấu hao trong năm	-	152.903.267.771	118.554.017	153.021.821.788
Xóa số	-	-	(28.741.357)	(28.741.357)
Số dư cuối năm	413.573.799	249.721.643.379	500.672.284	250.635.889.462
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	210.299.837	1.034.007.241.041	126.829.227	1.034.344.370.105
Tại ngày cuối năm	210.299.837	1.453.831.288.444	337.613.067	1.454.379.201.348

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp các tài sản:

- Tàu vận tải Goby có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 274.294.822.792 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 305.347.066.888 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo hợp đồng thế chấp số 0053/2022-HĐTC1-BVB067 ngày 8 tháng 11 năm 2022.
- Tàu vận tải Orion có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 343.897.933.523 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 381.995.024.435 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo Hợp đồng thế chấp tàu số 0003-2023-HĐTC1-BVB067 ngày 21 tháng 2 năm 2023.
- Tàu vận tải Loyal có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 298.169.815.819 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 343.461.433.411 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo Hợp đồng thế chấp tàu biển số 0047-2023- HĐTD1-BVB067 ngày 11 tháng 8 năm 2023.
- Tàu vận tải Windsor có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 533.184.633.525 đồng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng thế chấp tàu biển số 0086/2024/BD ngày 31 tháng 7 năm 2024.
- Xe Toyota có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.385.737.485 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.947.087.489 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Công ty TNHH Một Thành Viên Tài chính Toyota Việt Nam theo Hợp đồng số 1000576636 ngày 17 tháng 3 năm 2021.

Các phương tiện vận tải trên có tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 lần lượt là 1.698.359.840.915 đồng và 1.451.932.943.144 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.127.466.425.741 đồng và 1.033.750.612.223 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.846.507.031 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.846.507.031 đồng).

12. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Khoản thuế giá trị gia tăng được khấu trừ thể hiện khoản thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh từ các giao dịch mua sắm tài sản và chi phí hoạt động kinh doanh, các khoản này sẽ được hoàn lại hoặc khấu trừ với nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng đầu ra phải trả phát sinh trong tương lai.

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm:

	Chi phí lãi vay VND	Chi phí phải trả VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.327.112.804	29.109.326	1.356.222.130
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(1.327.112.804)	492.400.638	(834.712.166)
Số dư cuối năm	-	521.509.964	521.509.964

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng hải Hưng Phát	7.428.656.400	-
Seastar Maritime Company Limited	2.829.390.137	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Liên Minh	2.443.063.309	-
Công ty Cổ phần Thương mại Minh Dũng	1.962.458.089	2.467.327.280
Khác	18.611.282.957	4.074.919.573
	<u>33.274.850.892</u>	<u>6.542.246.853</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	416.927.904	416.927.904	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	119.680.761	119.680.761	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.674.282.742	21.442.897.958	4.674.282.742	20.442.897.958
Thuế thu nhập cá nhân	50.563.417	1.280.508.426	1.145.425.823	185.646.020
Khác	-	354.694.449	354.694.449	-
	<u>3.724.846.159</u>	<u>23.614.709.498</u>	<u>6.711.011.679</u>	<u>20.628.543.978</u>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tiền lương phải trả được trích lập theo định biên lao động và quỹ lương kế hoạch được phê duyệt cho năm 2024.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa và vận hành tàu	1.834.844.988	-
Chi phí lãi vay	2.106.741.479	1.170.908.712
Khác	941.950.262	145.546.629
	<u>4.883.536.729</u>	<u>1.316.455.341</u>

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là khoản doanh thu dịch vụ vận tải nhận trước từ Maersk Tankers A/S.

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	69.502.527	118.548.549
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	937.058.585	937.058.585
Các khoản phải trả, phải nộp khác	713.393.508	706.894.420
	<u>1.719.954.620</u>	<u>1.762.501.554</u>

20. VAY

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm
	VND		VND		VND
	Giá trị	Tăng	Phân loại lại	Thanh toán	Giá trị
Vay ngắn hạn	-	100.000.000.000	-	(100.000.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	154.526.571.432	-	214.262.267.640	(154.526.571.432)	214.262.267.640
Vay dài hạn	494.817.357.130	689.110.000.000	(214.262.267.640)	(20.000.000.000)	949.665.089.490
	<u>649.343.928.562</u>	<u>789.110.000.000</u>	-	<u>(274.526.571.432)</u>	<u>1.163.927.357.130</u>

Chi tiết số dư các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Vay dài hạn đến hạn trả		
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (i)	422.571.432	422.571.432
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn (ii)	154.104.000.000	154.104.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông (iii)	59.735.696.208	-
	<u>214.262.267.640</u>	<u>154.526.571.432</u>
b. Vay dài hạn		
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (i)	950.785.698	1.373.357.130
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn (ii)	339.340.000.000	493.444.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông (iii)	333.524.303.792	-
Bà Lương Diệu Linh (iv)	110.000.000.000	-
Ông Lê Đức Tuấn (v)	165.850.000.000	-
	<u>949.665.089.490</u>	<u>494.817.357.130</u>

- (i) Vay Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1000576636 ngày 17 tháng 3 năm 2021 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất ban đầu là 6,99%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo từ bên cho vay, thời hạn vay 84 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty là xe Toyota (xem Thuyết minh số 11).
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn theo các hợp đồng tín dụng với mục đích mua sắm phương tiện vận tải như sau:

Số hợp đồng tín dụng	Ngày hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn vay	Tài sản thế chấp
0093-2022-HĐTD1-BVB067	08/11/2022	Lãi suất cơ sở + 3,3%/năm	60 tháng	Tàu Goby
0017-2023-HĐTD1-BVB067	21/02/2023	Lãi suất cơ sở + 3,0%/năm	60 tháng	Tàu Orion
0047-2023-HĐTD1-BVB067	11/08/2023	Lãi suất cơ sở + 3,1%/năm	60 tháng	Tàu Loyal

Trong tháng 01 năm 2025, Công ty đã tiến hành tất toán trước hạn các khoản vay này và tái tài trợ bằng các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) – Chi nhánh An Phú (Thuyết minh số 36).

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng tín dụng số 0076/2024/HĐTD-OCB-DN ngày 27 tháng 6 năm 2024 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm, thời hạn vay 84 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu biển mang tên Windsor (xem Thuyết minh số 11).
- (iv) Vay bà Lương Diệu Linh theo hợp đồng vay tiền số 110/2024/PCT-LDL ngày 25 tháng 12 năm 2024 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty với lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng TMCP Quân đội cộng biên độ 3,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng.

- (v) Vay ông Lương Đức Tuấn theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay tiền số 109/2024/PCT-LDT ngày 19 tháng 9 năm 2024 với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty với số tiền vay là 100.000.000.000 đồng, lãi suất cố định 9,4%/năm, thời hạn vay là 60 tháng. 20% khoản vay được hoàn trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày giải ngân, 80% khoản vay còn lại được trả vào cuối kỳ hoặc có thỏa thuận khác.
- Hợp đồng vay tiền số 111/2024/PCT-LDT ngày 24 tháng 12 năm 2024 với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty với số tiền vay là 85.850.000.000 đồng, lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng TMCP Quân đội cộng biên độ 3,5%/năm, thời hạn vay là 60 tháng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	214.262.267.640	154.526.571.432
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	949.665.089.490	494.817.357.130
	1.163.927.357.130	649.343.928.562
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	(214.262.267.640)	(154.526.571.432)
Số phải trả sau 12 tháng	949.665.089.490	494.817.357.130

21. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	58.936.764	800.000.000	594.320.000	264.616.764
Quỹ phúc lợi	3.137.868	1.840.683.196	1.415.886.620	427.934.444
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	500.000.000	500.000.000	-
Cộng	62.074.632	3.140.683.196	2.510.206.620	692.551.208

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	50.035.493	500.354.930.000	50.035.493	500.354.930.000
Đã phát hành và vốn góp đủ	50.035.493	500.354.930.000	50.035.493	500.354.930.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ phần sở hữu của các cổ đông tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)
Ông Đỗ Anh Việt	132.960.000.000	26,57	26,57	132.960.000.000	26,57	26,57
Bà Trần Thị Thu Hà	111.552.800.000	22,29	22,29	88.552.800.000	17,70	17,70
Ông Trần Vọng Phúc	110.730.520.000	22,13	22,13	80.730.520.000	16,13	16,13
Ông Cao Đức Sơn	92.862.800.000	18,56	18,56	13.259.405.645	2,65	2,65
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	-	0,00	0,00	132.583.200.000	26,50	26,50
Các cổ đông khác	52.248.810.000	10,44	10,44	52.269.004.355	10,45	10,45
	500.354.930.000	100	100	500.354.930.000	100	100

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	275.998.960.000	-	839.178.790	1.918.499.046	36.265.707.248	315.022.345.084
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	224.355.970.000	(223.600.000)	-	-	-	224.132.370.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	37.724.045.657	37.724.045.657
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(709.069.458)	(709.069.458)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Số dư cuối năm trước	500.354.930.000	(223.600.000)	839.178.790	1.918.499.046	72.880.683.447	575.769.691.283
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	87.786.522.552	87.786.522.552
Trích quỹ đầu tư và phát triển (*)	-	-	69.000.000.000	-	(69.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.640.683.196)	(2.640.683.196)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (*)	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Khác	-	(64.800.000)	-	-	-	(64.800.000)
Số dư cuối năm này	500.354.930.000	(288.400.000)	69.839.178.790	1.918.499.046	88.526.522.803	660.350.730.639

(*) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành, quỹ đầu tư và phát triển của Công ty với số tiền lần lượt là 2.640.683.196 đồng, 500.000.000 đồng và 69.000.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ-PCT-DHCD ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2024 số 02/2024/NQ-PCT-DHCD ngày 31 tháng 5 năm 2024.

Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2024 đã thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ Công ty theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-PCT-DHCD ngày 31 tháng 5 năm 2024. Theo Nghị quyết số 34/2024/NQ-PCT-HDQT ngày 03 tháng 12 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc điều chỉnh phương án chào bán và triển khai chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua với tổng giá trị chào bán 333.569.960.000 đồng theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai Nghị quyết này.

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	672.099,36	206.375,53
Euro ("EUR")	160,96	160,96

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Long Tân	643.278.863	643.278.863
Tạm ứng của lái xe Taxi đội 1	406.826.607	406.826.607
Tạm ứng mua nhiên liệu cho lái xe Taxi	584.972.173	584.972.173
Các đối tượng khác	1.270.557.482	1.270.557.482
	2.905.635.125	2.905.635.125

Các khoản nợ phải thu trên đã được xử lý xóa sổ do không có khả năng thu hồi theo Quyết định số 253/QĐ-PCT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Công ty.

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành ba bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý tàu và Bộ phận kinh doanh thương mại và dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải.
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý tàu.
- Bộ phận kinh doanh thương mại và dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

31/12/2024	Thương mại và dịch vụ khác	Dịch vụ vận tải	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	10.456.714.185	1.476.373.818.520	1.327.508.641	1.488.158.041.346
Tài sản không phân bổ				410.581.153.930
Tổng Tài sản				1.898.739.195.276
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận		- 903.400.313.639		- 903.400.313.639
Nợ phải trả không phân bổ				334.988.150.998
Tổng Nợ phải trả				1.238.388.464.637

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

31/12/2023	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	44.136.923.559	1.050.440.233.366	1.800.000.000	1.096.377.156.925
Tài sản không phân bổ				142.155.082.819
Tổng Tài sản				<u>1.238.532.239.744</u>
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	-	654.947.369.468	-	654.947.369.468
Nợ phải trả không phân bổ				7.815.178.993
Tổng Nợ phải trả				<u>662.762.548.461</u>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.996.005.250	498.200.884.763	32.860.000.000	540.056.890.013
Giá vốn	(8.836.210.699)	(310.874.181.342)	(17.906.477.741)	(337.616.869.782)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.794.551	187.326.703.421	14.953.522.259	202.440.020.231
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ				(23.210.159.578)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				179.229.860.653
Doanh thu hoạt động tài chính				5.134.959.455
Chi phí tài chính				(74.589.960.105)
Lợi nhuận khác				289.272.673
Lợi nhuận kế toán trước thuế				110.064.132.676
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(21.442.897.958)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(834.712.166)
Lợi nhuận trong năm				<u>87.786.522.552</u>
Thông tin khác				
Khấu hao				<u>153.059.821.788</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.655.248.854	311.205.566.203	16.576.607.136	409.437.422.193
Giá vốn	(79.101.012.268)	(193.451.737.164)	(13.143.449.730)	(285.696.199.162)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.554.236.586	117.753.829.039	3.433.157.406	123.741.223.031
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ				(12.203.086.283)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				111.538.136.748
Doanh thu hoạt động tài chính				3.661.621.523
Chi phí tài chính				(68.820.951.271)
Lợi nhuận khác				728.933.832
Lợi nhuận kế toán trước thuế				47.107.740.832
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(10.642.837.853)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				1.259.142.678
Lợi nhuận trong năm				37.724.045.657
Thông tin khác				
Khấu hao				87.913.613.914

Bộ phận theo khu vực địa lý

Về mặt địa lý, doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý tàu, bán hàng thương mại và dịch vụ khác toàn bộ được thực hiện ở Việt Nam (trình bày tại Thuyết minh số 25 và 26), trong khi doanh thu dịch vụ vận tải được thực hiện ở quốc tế.

Chi tiết doanh thu và giá vốn theo khu vực địa lý như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu theo khu vực địa lý		
Doanh thu quốc tế	506.759.253.648	311.205.566.203
Doanh thu nội địa	33.297.636.365	98.231.855.990
	<u>540.056.890.013</u>	<u>409.437.422.193</u>
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn theo khu vực địa lý		
Giá vốn quốc tế	319.517.457.365	193.451.737.164
Giá vốn nội địa	18.099.412.417	92.244.461.998
	<u>337.616.869.782</u>	<u>285.696.199.162</u>

Do đặc thù kinh doanh vận tải bằng tàu biển, tàu biển có thể vừa chạy tuyến nội địa, vừa chạy tuyến quốc tế nên Ban Giám đốc không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ vận tải	498.200.884.763	311.205.566.203
Doanh thu dịch vụ tư vấn quản lý tàu	32.860.000.000	16.576.607.136
Doanh thu bán hàng thương mại và dịch vụ khác	8.996.005.250	81.655.248.854
	<u>540.056.890.013</u>	<u>409.437.422.193</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 34)</i>	-	1.121.911.112

26. GIÁ VỐN HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	310.874.181.342	193.451.737.164
Giá vốn dịch vụ tư vấn quản lý tàu	17.906.477.741	13.143.449.730
Giá vốn bán hàng thương mại và dịch vụ khác	8.836.210.699	79.101.012.268
	<u>337.616.869.782</u>	<u>285.696.199.162</u>

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.140.104.501	12.252.606.422
Chi phí nhân công	77.943.356.838	58.241.968.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	153.059.821.788	87.913.613.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.383.246.233	60.363.050.426
Chi phí khác bằng tiền	300.500.000	419.580.000
	<u>360.827.029.360</u>	<u>219.190.819.445</u>

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	35.423.308	575.804.218
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.081.813.795	3.085.817.305
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.017.722.352	-
	<u>5.134.959.455</u>	<u>3.661.621.523</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	72.734.156.475	67.609.076.069
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.451.307.628	679.875.202
Chi phí tài chính khác	404.496.002	532.000.000
	<u>74.589.960.105</u>	<u>68.820.951.271</u>

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	149.150.425	249.348.437
Chi phí cho nhân viên	4.626.439.298	4.745.311.066
Chi phí khấu hao tài sản cố định	717.152.863	762.909.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.416.916.992	6.120.937.125
Chi phí khác	300.500.000	324.580.000
	23.210.159.578	12.203.086.283

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	110.064.132.676	47.107.740.832
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	3.323.440.170	6.635.564.021
<i>Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng</i>	650.234.513	697.989.642
<i>Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm</i>	6.823.317.575	1.114.569.521
Thu nhập tính thuế	107.214.489.784	53.326.724.974
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	21.442.897.958	10.665.344.995
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	(22.507.142)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.442.897.958	10.642.837.853

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	87.786.522.552	37.724.045.657
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6.145.056.579)	(2.640.683.196)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	81.641.465.973	35.083.362.461
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phần)	50.035.493	34.484.244
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.632	1.017

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế của năm tài chính như trên và số liệu ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 7% lợi nhuận sau thuế. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày lại do ảnh hưởng của số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

	Số đã báo cáo VND	Thay đổi VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	37.724.045.657	-	37.724.045.657
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.274.990.006)	(365.693.190)	(2.640.683.196)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	35.449.055.651	(365.693.190)	35.083.362.461
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	34.484.244	-	34.484.244
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.028	(11)	1.017

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	8.086.487.332	1.736.955.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	6.681.572.543	7.960.302.950
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	29.773.058.000	36.376.280.966
	36.454.630.543	44.336.583.916

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải thanh toán cho việc thuê văn phòng Công ty và các khoản thuê hoạt động khác. Hợp đồng thuê văn phòng được ký mới với thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 đến ngày 14 tháng 11 năm 2028.

Công ty là bên cho thuê:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	498.638.521.128	311.603.202.571

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	509.260.210.005	433.040.850.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.308.364.200.000	689.922.750.000
	1.817.624.410.005	1.122.963.600.000

Khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện khoản tiền Công ty sẽ thu từ Maersk Tankers A/S thông qua việc cho thuê các tàu Goby (từ ngày 01 tháng 10 năm 2024), Orion (từ ngày 01 tháng 10 năm 2024) và Windsor (từ ngày 08 tháng 7 năm 2024) với thời hạn thuê 48 tháng. Khoản doanh thu ước tính này dựa trên thỏa thuận hợp đồng với Maersk Tankers A/S về doanh thu cho thuê theo ngày. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa thanh toán các khoản đặt cọc về vốn hoạt động theo các hợp đồng ký với Maersk Tankers A/S với số tiền là 250.000 Đô la Mỹ/tàu.

Ngoài ra, khoản cam kết cho thuê hoạt động còn thể hiện khoản tiền Công ty sẽ thu từ Seastar Maritime Co., Ltd. thông qua việc cho thuê tàu Loyal với thời hạn 03 năm từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

Cam kết đầu tư tài sản có giá trị lớn

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2024 số 02/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 31 tháng 5 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt kế hoạch đầu tư tàu số 05 loại chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT với tổng mức đầu tư không vượt quá 30,424 triệu Đô la Mỹ. Tại ngày 26 tháng 12 năm 2024, Công ty đã ký hợp đồng mua bán tàu Opec Victory với Công ty TNHH Vận Tải Biển Châu Á Thái Bình Dương với trị giá 634.750.000.000 đồng. Vào ngày 02 tháng 01 năm 2025, Công ty đã hoàn tất các thủ tục và nhận bàn giao tàu này (Thuyết minh số 36).

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 2 năm 2024 số 03/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 03 tháng 12 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt phương án đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 25.900 DWT với giá trị đầu tư không vượt quá 48.155.800 Đô la Mỹ/tàu. Theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-PCT-HĐQT ngày 25 tháng 02 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc nhận chuyển nhượng 04 hợp đồng đóng mới từ Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương với giá đóng mới là 44.825.000 Đô la Mỹ/tàu. Tại ngày 26 tháng 02 năm 2025, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng nhận chuyển nhượng này với Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương và Wuhu Shipyard Co., Ltd. (Thuyết minh số 36).

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Ông Đỗ Anh Việt
Bà Trần Thị Thu Hà
Ông Trần Vọng Phúc
Ông Cao Đức Sơn

Ông Nguyễn Hồng Hiệp

Công ty Cổ phần Thương mại
Dịch vụ Hàng hải Hưng Phát

Mối quan hệ

Cổ đông sở hữu 26,57% vốn góp
Cổ đông sở hữu 22,29% vốn góp
Cổ đông sở hữu 22,13% vốn góp
Cổ đông sở hữu 18,56% vốn góp (trở thành cổ đông lớn nắm giữ trên 5% cổ phần kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2024)
Cổ đông (không còn là cổ đông lớn nắm giữ trên 5% cổ phần kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2024)
Trong năm 2023, Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Trong năm 2023, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng Hải Hưng Phát như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng		
Phí tư vấn quản lý tàu	-	1.121.911.112
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Mua khí hóa lỏng LPG	-	12.192.075.000
Giao dịch khác		
Hoàn ứng cọc đơn hàng	-	13.000.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị		
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	273.445.840	565.551.440
Ông Trần Trung Quốc	70.000.000	-
Ông Lê Hoàng Phương	6.000.000	21.000.000
Ông Hoàng Anh Quân	15.000.000	21.000.000
Ông Võ Ngọc Phụng	56.000.000	-
Bà Lê Thị Mai	15.000.000	36.000.000
Ông Phạm Xuân Quang	56.000.000	-
Ông Nguyễn Sơn Lâm	15.000.000	36.000.000
Ông Phạm Ngọc Hà	-	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	71.000.000	36.000.000
Ông Lê Anh Nam	56.000.000	-
	633.445.840	751.551.440
Ban Điều hành		
Ông Võ Ngọc Phụng	680.987.280	-
Bà Lê Thị Mai	82.585.759	263.142.389
Ông Nguyễn Sơn Lâm	220.744.563	68.720.850
Ông Đoàn Nguyễn Sơn	708.737.000	658.087.850
Ông Nguyễn Văn Kiều	111.103.545	182.431.856
Ông Phạm Xuân Quang	276.535.914	-
Ông Hoàng Anh Quân	179.844.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	359.311.477	-
Bà Lê Thanh Chi	482.254.495	413.502.426
	3.102.104.033	1.585.885.371
Ban Kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	221.306.880	-
Bà Đào Ngọc Mai	7.500.000	18.000.000
Bà Đặng Thị Dung	10.000.000	24.000.000
Bà Vũ Thị Thanh Thanh	7.500.000	18.000.000
Bà Chu Thị Mai Hương	21.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	21.000.000	-
	288.306.880	60.000.000

502

ÔNG
CỔ PH
N TÃ
GLOBAL

PHỐ

01/26/20

CHI NI
ÔNG T
KIỂM
ĐE LC
VIỆT

HI-TP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư chủ yếu Công ty với bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng hải Hưng Phát như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	-	1.800.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	2.400.000.000

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 2.106.741.479 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.170.908.712 đồng), là số tiền lãi phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.


Ngoài ra, tiền thu đi vay và tiền chi trả nợ gốc vay trong năm không bao gồm số tiền 120.000.000.000 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 đồng) là giá trị các khoản vay có thời hạn thanh toán không quá 3 tháng được trình bày trên cơ sở thuần.


36. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH


Vào ngày 02 tháng 01 năm 2025, Công ty đã hoàn tất các thủ tục và nhận bàn giao tàu số 05 – tàu PCT Artemis (tên cũ: Opec Victory) từ Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương với giá trị mua tàu là 634.750.000.000 đồng. Khoản chi đầu tư này được tài trợ một phần bởi khoản vay mới được cấp bởi Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú trong tháng 01 năm 2025 với hạn mức tín dụng là 427.250.000.000 đồng.

Ngoài ra, theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-PCT-HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc được cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) – Chi nhánh An Phú với mục đích tái tài trợ khoản vay tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Trong tháng 01 năm 2025, Công ty đã tiến hành việc ký kết và tái tài trợ theo phê duyệt này.

Theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-PCT-HĐQT ngày 25 tháng 02 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc nhận chuyển nhượng 04 hợp đồng đóng mới từ Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương với giá đóng mới là 44.825.000 Đô la Mỹ/tàu. Tại ngày 26 tháng 02 năm 2025, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng nhận chuyển nhượng này với Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương và Wuhu Shipyard Co., Ltd.


Trương Đỗ Thanh Ngân
Người lập biểu


Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng


Võ Ngọc Phụng
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 của Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng.

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm theo BCTC năm 2024 đã được kiểm toán	88.526.522.803	
1.1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	740.000.251	
1.2	Lợi nhuận thực hiện năm 2024	87.786.522.552	(1)
2	Lợi nhuận phân phối	54.046.953.902	
2.1	Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.511.460.902	4% * (1)
2.2	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	500.000.000	
2.3	Chia cổ tức bằng cổ phiếu	50.035.493.000	10% VĐL
3	Lợi nhuận còn lại	34.479.568.901	

Kính trình Đại hội xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).



TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

Căn cứ tình hình thị trường và năng lực của Công ty, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2025 như sau:

1. Các chỉ tiêu Kế hoạch tài chính năm 2025:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025
1	Tổng doanh thu	810.550
2	Lợi nhuận trước thuế	105.717
3	Lợi nhuận sau thuế	84.353
4	Nộp ngân sách Nhà nước	21.365

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 (nếu cần) để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty trong năm 2025.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).



Trần Trung Quốc

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2024 và Kế hoạch thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) thực hiện năm 2024, kế hoạch năm 2025 của Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific như sau:

I. Thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2024:

- Đối với thành viên HĐQT chuyên trách, BKS chuyên trách: Tiền lương, tiền thưởng thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.
- Đối với thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách:
 - Mức thù lao không chuyên trách chi trả năm 2024:
 - + Chủ tịch HĐQT : 10.000.000 đồng/người/tháng.
 - + Thành viên HĐQT : 8.000.000 đồng/người/tháng.
 - + Trưởng BKS : 5.000.000 đồng/người/tháng.
 - + Thành viên BKS : 3.000.000 đồng/người/tháng.
 - Tổng thù lao đã trả cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2024 là: **427.000.000 đồng** (Bốn trăm hai mươi bảy triệu đồng chẵn.).

II. Kế hoạch thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS dự kiến năm 2025:

- Đối với thành viên HĐQT chuyên trách, BKS chuyên trách: Tiền lương, tiền thưởng thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.
- Đối với thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách:
 - Mức thù lao không chuyên trách chi trả năm 2025:
 - + Chủ tịch HĐQT : 10.000.000 đồng/người/tháng.
 - + Thành viên HĐQT : 8.000.000 đồng/người/tháng.
 - + Trưởng BKS : 5.000.000 đồng/người/tháng.
 - + Thành viên BKS : 3.000.000 đồng/người/tháng.



- Tổng thù lao dự kiến trả cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2025 là: **636.000.000 đồng** (Sáu trăm ba mươi sáu triệu đồng chẵn).
- Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS.
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TỜ TRÌNH

**Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập
để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

Liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán của Công ty cho năm 2025, Ban kiểm soát đã xem xét, đánh giá các công ty kiểm toán có nhiều kinh nghiệm trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận. Ban kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2025, cụ thể:

1. Công ty kiểm toán Deloitte Việt Nam.
2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
3. Công ty kiểm toán KPMG.

Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm; soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của năm tài chính 2025 theo quy định hiện hành.

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT.
- Lưu: VT, BKS (1b).

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

Số: 05/2025/TTr-PCT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án Đầu tư đóng mới
04 tàu chở dầu/ hóa chất có trọng tải khoảng 25.900 DWT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

Trong hai tháng đầu năm 2025, thị trường vận tải biển đã chứng kiến sự biến động đáng kể về giá cước, đặc biệt là trong lĩnh vực vận chuyển dầu và hóa chất do các yếu tố địa chính trị. Trước tình hình đó, với phương hướng thận trọng và bảo toàn nguồn vốn công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt điều chỉnh Phương án Đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/ hóa chất có trọng tải khoảng 25.900 DWT như sau:

Chỉ tiêu	Nghị quyết số 03/2024/NQ-PCT-ĐHCD	Nội dung điều chỉnh
Tổng mức đầu tư	Không vượt quá 48.155.800 USD/tàu.	Không vượt quá 47.987.800 USD/tàu.
Hiệu quả kinh tế	Hiệu quả kinh tế của Chủ đầu tư được tính toán đối với 01 tàu không thấp hơn: Hiện giá dòng ngân lưu thuần NPV vốn CSH: 5.281.123 USD. Suất sinh lời trên vốn chủ đầu tư (ROE): 10,72%.	Hiệu quả kinh tế của Chủ đầu tư được tính toán đối với 01 tàu kỳ vọng: Hiện giá dòng ngân lưu thuần NPV vốn CSH: 1.194.352 USD. Suất sinh lời trên vốn chủ đầu tư (ROE): 8,85%.

(Đính kèm là Báo cáo nghiên cứu khả thi của phương án).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc điều chỉnh Phương án Đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 25.900 DWT nói trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).



Trần Trung Quốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC



BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI
PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ
ĐÓNG MỚI 04 TÀU CHỖ DẦU/HÓA CHẤT
CÓ TRỌNG TẢI KHOẢNG 25.900 DWT

Năm 2024



MUC LUC

CHƯƠNG I : NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG VÀ SỰ CẦN THIẾT TRIỂN KHAI PHƯƠNG ÁN

CHƯƠNG II : PHẠM VI HOẠT ĐỘNG, ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT, AN TOÀN CƠ BẢN TÀU

CHƯƠNG III : PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ

CHƯƠNG IV : KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ

PHỤ LỤC : BẢNG TÍNH TOÁN HIỆU QUẢ KINH TẾ PHƯƠNG ÁN

CHƯƠNG I

NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG VÀ SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

1. Thị trường vận tải hàng lỏng (dầu/hóa chất) quốc tế:

Theo quan sát của các chuyên gia trong ngành vận tải biển cũng như báo cáo thống kê của các tổ chức môi giới tàu biển uy tín trên thế giới, sau thời gian đạt cực thịnh vào các năm 2006 – 2007, giá cước/giá thuê tàu, giá mua bán tàu trôi sụt dưới đáy các năm tiếp theo. Đến nay, thị trường vận tải biển nói chung và thị trường vận tải hàng lỏng nói riêng đã cải thiện và hồi phục tích cực.

Trong những năm gần đây, xung đột địa chính trị diễn biến căng thẳng tại các khu vực có sản lượng dầu lớn như Trung Đông, Đông Âu làm tăng nhu cầu nhập khẩu dầu sản phẩm từ các quốc gia khác. Các lệnh cấm vận của Hoa Kỳ, EU đối với các quốc gia như Iran, Venezuela hoặc Nga cũng dẫn đến sự thay đổi trong nguồn cung toàn cầu và nhu cầu vận tải tăng cao ở các khu vực khác để bù đắp thiếu hụt. Cùng với đó, xung đột giữa Hamas/Houthi và Isarel quanh khu vực Biển Đỏ đã phần nào làm thay đổi khoảng cách vận chuyển hàng hóa tính theo tấn - dặm (ton-mile). Bối cảnh phức tạp hiện nay cho thấy nhu cầu vận tải bằng đường biển nói chung sẽ tăng trưởng trong các năm tiếp theo. Báo cáo thống kê và dự báo từ Clarksons Research cũng cơ bản đồng tình với nhận định này khi thống kê sản lượng luân chuyển bằng đường biển năm 2024 dự kiến ở mức 12.636 triệu tấn, tăng khoảng 2,3% so với năm 2023 ở mức 12.322 triệu tấn (nguồn STM, Clarksons tháng 11/2024). Riêng nhu cầu của thị trường dầu sản phẩm tăng khoảng 2,9% trong năm 2025 so với cùng kỳ do chuyển hướng qua Biển Đỏ và dòng chảy dài hơn từ Nga. Thị trường dầu sản phẩm năm 2026 cũng dự kiến sẽ tăng khoảng 2,3% so với năm 2025, chủ yếu nhờ vào sự ổn định của dòng chảy dầu từ Nga và sự gia tăng nhu cầu tiêu thụ tại các khu vực trọng điểm. Điều này cho thấy xu hướng tăng trưởng ổn định trong ngành dầu sản phẩm, mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức từ biến động địa chính trị và thị trường toàn cầu.

World Seaborne Trade	Million Tonnes				% Chg 2024/23
	2021	2022	2023	2024f	
Crude Oil	1,814	1,937	1,988	1,995	0%
Oil Products	1,010	1,050	1,066	1,076	1%
Dry Bulk	5,501	5,363	5,558	5,706	3%
Containers	1,912	1,841	1,848	1,940	5%
Gas	511	535	550	562	2%
Other	1,321	1,311	1,335	1,356	2%
World Seaborne Trade	12,070	12,037	12,344	12,636	2%
y-o-y growth	3.2%	-0.3%	2.6%	2.4%	
Tonne-miles, y-o-y growth	3.2%	0.1%	5.0%	6.5%	

Data basis latest information as at start: Nov-24. For more detail see Seaborne Trade Monitor or

*Dự báo mức tăng trưởng lượng hàng vận chuyển bằng đường biển.
(Nguồn: STM, Clarksons tháng 11/2024).*

Product Tanker Demand	Million Dwt			Demand Trend			
	2022	2023	2024f	'25 (f)	'26 (f)	'25 %	'26 %
LR2	25.7	29.0	32.6	34.4	35.5	5.3%	3.4%
LR1	18.6	19.7	20.7	20.7	20.7	0.2%	0.0%
MR/Handy/SR	59.9	61.4	63.5	65.2	66.8	2.6%	2.5%
Total Dwt Demand	104.2	110.1	116.8	120.3	123.1	2.9%	2.3%
% change y-o-y	4.0%	5.7%	6.1%	2.9%	2.3%		

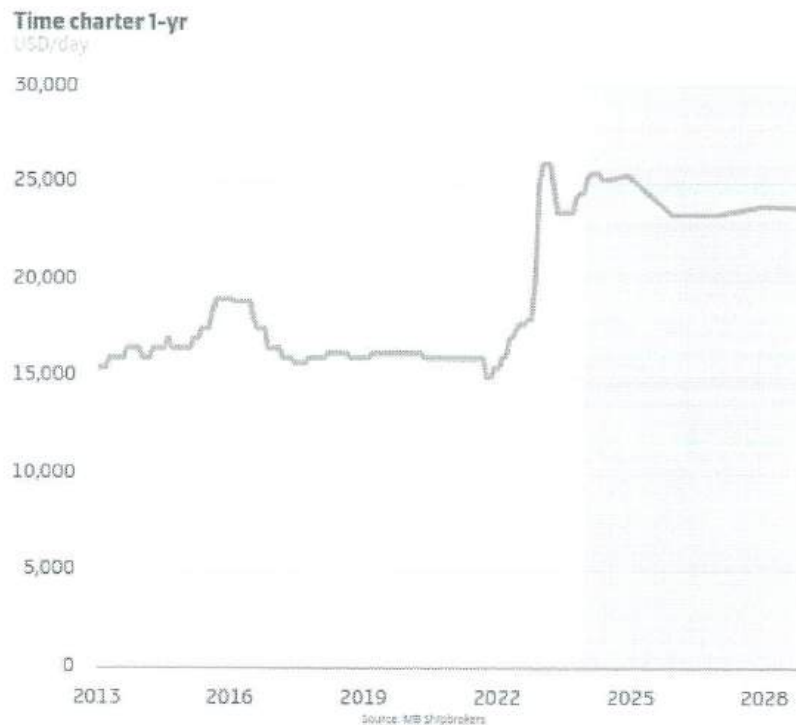
(Nguồn: Oil & Tanker Trades Outlook, Clarksons Research tháng 10/2024).



(Nguồn: Oil & Tanker Trades Outlook, Clarksons Research tháng 10/2024)

Dòng tàu dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 - 26.000 DWT rất được ưa chuộng để chạy các tuyến hàng xung quanh khu vực Trung Đông, Đông Nam Á, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Châu Mỹ, Châu Âu... vì tính đa dạng mặt hàng chuyên chở. Từ khu vực Trung Đông, một trong những trung tâm dầu khí của thế giới, luôn có nhu cầu thuê tàu vận chuyển các lô hàng dầu sản phẩm (clean petroleum product) kết hợp hóa chất (chemical) như Vinyl Acetate, Ethylene Dichloride, Paraxylene, Orthoxylene, Methanol, Ethanol, Benzen, MTBE, Base Oil... chạy theo chuyến khối lượng khoảng 20.000 – 25.000 tấn trong nội bộ khu vực hoặc xuất đi Biển Đỏ (Red Sea), Đông Phi (East Africa). Đối với tuyến hàng hóa chất xuất từ Vùng Vịnh về phía Đông (Ấn Độ, Đông Nam Á) thì chiều ngược lại luôn có các mặt hàng để đưa tàu ngược trở lại như dầu cọ (Palm oil) từ Indonesia, Malaysia, Acid Sulphuric từ Philippine đi Ấn Độ, từ Ấn Độ đi Trung Đông hoặc dầu sản phẩm từ Singapore, Thái Lan đi Ấn Độ, Maldives. Ngoài ra, còn có các tuyến hàng Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan), Châu Âu đi khu vực Nam Mỹ, thường có các loại hàng PX, Benzen, Toluene. Lợi thế của kiểu tàu này là chuyên chở kết hợp nhiều mặt hàng và giảm thiểu chạy rỗng cho chiều ngược lại. Chính vì lợi thế đó mà giá cước vận chuyển hàng hóa chất của size tàu này luôn ở mức ổn định và cao hơn so với vận chuyển xăng dầu. Theo Clarksons Research, lợi nhuận trung bình cho toàn bộ phân khúc tàu chở dầu sản phẩm (CPP) trong năm 2024 đạt 33.208 USD/ngày, cao hơn 87% so với mức trung bình của 10 năm qua. Đối với thị trường cho thuê định hạn

(T/C), theo báo cáo đánh giá của một số nhà môi giới uy tín: Kết thúc năm 2023, mức giá cho thuê T/C của tàu loại khoảng 25.000 DWT loại hầm hàng stainless steel (SS) trung bình khoảng 23.000 USD/ngày, trong khi mức TC bình quân năm 2022 là khoảng 15.000 USD/ngày và bình quân năm 2021 là khoảng 16.000 USD/ngày. Bước sang năm 2024, mức giá cho thuê TC phân khúc tàu này đã tăng lên khoảng 24.000 – 24.500 USD/ngày, có giai đoạn đạt đỉnh cao trên 25.000 USD/ngày, tăng khoảng 4% - 8% so với trung bình năm 2023. Thống kê mức giá cho thuê T/C dài hạn 1 năm (USD/ngày) của tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 25.000 DWT theo chuẩn IMO II như sau:



(Nguồn: *Chemical Fleet Update Q2 2024 của MB Shipbrokers*)

Đứng trước nhu cầu thị trường vận chuyển hàng hóa nói chung và hàng dầu/hóa chất nói riêng ngày càng tăng, các đơn đóng mới tàu biển đã có xu hướng tăng trong năm nay. Theo thống kê từ MB Shipbrokers vào Quý 2/2024, đội tàu hóa chất toàn cầu có 1.819 tàu, trong đó dòng tàu SS IMO II với trọng tải 25.000 DWT chỉ có 111 chiếc, đơn đặt hàng hiện tại là 25 tàu, chiếm tỷ lệ 25% so với số tàu hiện có. Tuổi tàu ở nhóm này ngày càng trẻ hóa với 29% đội tàu từ 0 – 5 tuổi, 30% đội tàu từ 5 – 10 tuổi và chỉ có ít hơn 9% các tàu từ 20 – 25 tuổi tương đương khoảng 10 tàu cho thấy mức độ cạnh tranh trong dòng tàu này tương đối cao, tổng số lượng tàu ít so với nhu cầu thị trường. Tàu mới đóng thường có hợp đồng thuê dài hạn với giá cước cao hơn so với tàu đã qua sử dụng do khả năng đáp ứng tốt hơn về hiệu suất vận hành và yêu cầu về khí thải môi trường với những công nghệ đóng tàu có nhiều cải tiến.

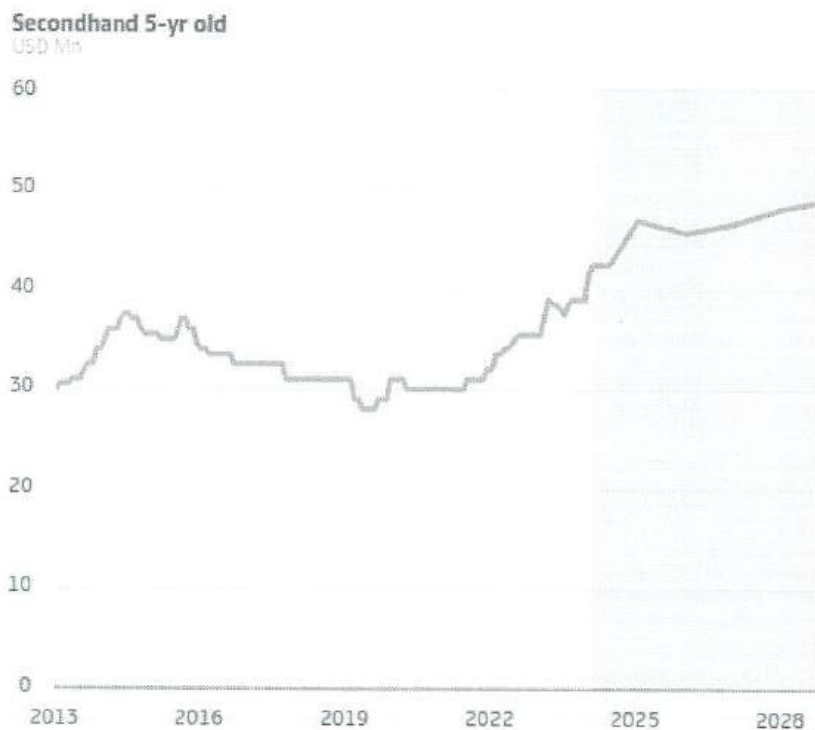
2. Thị trường vận tải trong nước:

Thị trường trong nước tập trung chủ yếu vào việc vận chuyển phân phối sản phẩm đầu ra cho các Nhà máy lọc hóa dầu trong nước như Bình Sơn, Nghi Sơn. Tuy nhiên sản phẩm đầu ra của hai nhà máy này hiện nay chủ yếu là xăng dầu nên Công ty không xác định đây là thị trường mục tiêu.

Mặc dù vậy theo báo cáo tóm tắt của ngành hóa chất Việt Nam: Ngành hóa chất Việt Nam đóng vai trò chủ đạo trong việc phát triển kinh tế vì đây là ngành cung cấp đầu vào cho một số ngành công nghiệp thiết yếu. Hiện nay, Việt Nam đã phát triển đầy đủ các phân ngành của ngành công nghiệp hóa chất bao gồm: Phân bón và các hợp chất ni-tơ, xà phòng và chất tẩy rửa, nhựa nguyên sinh và cao su tổng hợp, hóa chất cơ bản, sơn và mực, thuốc trừ sâu, sợi nhân tạo và các loại sản phẩm hóa học khác. Để phục vụ nhu cầu trong nước, 70 - 80% lượng hóa chất được nhập khẩu từ Trung Quốc, còn lại từ các nước khác. Do vậy, thị trường hóa chất nhập khẩu cũng mang lại cơ hội cho chủ tàu Việt Nam sở hữu chủng loại tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải khoảng 25.000 - 26.000 DWT.

3. Thị trường mua bán tàu biển:

Theo thống kê của MB Shipbrokers vào Quý 2/2024, giá bán tàu khoảng 25.000 DWT có xu hướng tăng từ năm 2022 đến nay và dự báo sẽ tiếp tục tăng trong giai đoạn 2025 đến 2028 do nhu cầu của thị trường và áp lực từ các quy định về bảo vệ môi trường.



(Nguồn: Chemical Fleet Update Q2 2024 của MB Shipbrokers.)

Trong giai đoạn 2021 đến 2023, giá trị các tàu chở hóa chất bằng thép không gỉ đã tăng dần do nhu cầu cao và các yếu tố thị trường như xu hướng nâng cấp đội tàu để đáp ứng yêu cầu môi trường. Ví dụ, giá trị cho một tàu hóa chất loại 19.999 DWT bằng thép không gỉ 5 năm tuổi tăng từ 26,75 triệu USD năm 2021 lên 37,00 triệu USD năm 2024. Giá trị của tàu cũ trong năm 2024 tiếp tục giữ mức cao, phản ánh xu hướng thị trường tích cực với nhu cầu ổn định cho các tàu hiện đại hơn, được trang bị công nghệ mới. Giá tàu cũ vì vậy mà tiệm cận giá đóng mới. Trong khi đó, tàu đóng mới có nhiều lợi thế vượt bậc về số năm khai thác, trang thiết bị, công nghệ, chi phí bảo trì bảo dưỡng.

Oil Tanker Prices		End Year, \$m					Sep
		2019	2020	2021	2022	2023	2024"
310k dwt	Resale	100.0	88.0	98.0	125.0	130.0	149.0
310k dwt	5 yrs	75.0	63.0	70.0	95.0	105.0	116.0
310k dwt	10 yrs	53.0	43.0	46.0	70.0	75.0	86.0
160k dwt	Resale	72.0	58.0	69.0	85.0	95.0	99.0
158k dwt	5 yrs	53.0	43.0	47.0	65.0	78.0	81.0
158k dwt	10 yrs	36.0	28.0	31.0	48.0	60.0	66.0
115k dwt	Resale	56.0	45.0	56.0	75.0	83.0	85.0
115k dwt	5 yrs	41.0	32.5	41.0	60.0	70.5	72.5
115k dwt	10 yrs	30.0	20.5	27.0	45.0	55.0	59.0
75k dwt	Resale	45.0	39.0	43.0	57.5	63.0	68.0
75k dwt	5 yrs	32.5	29.0	31.0	45.0	51.0	58.0
75k dwt*	10 yrs	20.0	18.0	20.0	34.0	41.0	48.0
51k dwt	Resale	40.0	36.0	39.0	47.5	53.0	58.0
51k dwt ^	5 yrs	30.0	26.0	29.0	40.0	43.5	49.0
50k dwt #	10 yrs	19.0	17.0	18.5	30.0	34.0	40.0
47k dwt	15 yrs	12.0	11.0	11.0	21.0	25.0	27.5
38k dwt	5 yrs	25.0	23.0	25.0	34.0	38.0	44.0
38k dwt	10 yrs	15.0	14.0	14.5	23.0	29.0	35.0
19.9k dwt Chem S/S*	5 yrs	20.3	24.5	26.8	31.0	34.0	37.00
SH Tanker Price Index		125.0	106.5	119.6	176.2	207.3	231.6

(Nguồn: Oil & Tanker Trades Outlook, Clarksons Research tháng 10/2024)

4. Thông tin về Người thuê tàu:

Thị trường thuê tàu vận chuyển hóa chất phân khúc 25.000 - 26.000 DWT có rất nhiều người thuê tàu, có thể điểm một số người thuê tàu có nhu cầu thuê nhiều tàu cùng thời gian thuê dài từ 01 - 03 năm như Heung-A (Korea), Womar, Aramco, Uni-Tankers...

Đồng thời, người thuê tàu cũng được phân loại theo loại hàng hóa, nhu cầu thuê vận chuyển như: Muntajat-NAO; Muntajat-Chems; Celanese-AA/AM; Sipchem-Chems; Nippon Marine-SUA; Glencore-SUA; SA Services-SUA; CP Chem-Chems; Korea Zinc-SUA; Mitsui-Caustic Soda; SK Lubricats Europe-Base Oil; Trammo-SUA; AAK-Palm oil; Aramco-PX; Chevron-Base Oil; Equate East-Chems; Equate West-Chems; Interacid-SUA; Itouchi-MEG/DEG; Kolmar-SM, Cumene, BNZ; Mitsui-Caustic Soda; SRM ECI-Chems; Suzan-Caustic Soda; Tricon-SUA; Tricon-MEG/DEG.

5. Sự cần thiết thực hiện Phương án:

a) Năng lực đội tàu và khả năng quản lý của Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific (PCT):

Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải biển, PCT đã xây dựng được nền tảng vững chắc cả về đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và khả năng quản lý, khai thác hiệu quả các loại tàu chuyên dụng như tàu chở hóa chất, dầu thô, LPG và hàng rời. Việc đầu tư đóng mới tàu sẽ giúp Công ty phát huy tối đa năng lực này, duy trì chi phí quản lý và vận hành ở mức hợp lý, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Thời điểm này phù hợp để Công ty đầu tư mở rộng đội tàu, khi có đủ kinh nghiệm và năng lực khai thác hiệu quả tàu mới, giúp tối ưu hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro.

b) Nhu cầu tăng trưởng của thị trường và hiệu quả khai thác tàu mới:

Hiện nay, PCT sở hữu và khai thác 04 tàu dầu sản phẩm/hóa chất dòng J19 với điều kiện kỹ thuật tốt và hiệu suất cao. Tuy nhiên, nhu cầu vận tải dầu sản phẩm và hóa chất quốc tế vẫn tiếp tục tăng mạnh, trong khi Công ty mới chỉ khai thác số lượng tàu hạn chế. Việc đóng mới giúp tàu biển được trang bị công nghệ tiên tiến, giảm tiêu thụ nhiên liệu và đáp ứng các tiêu chuẩn khí thải mới nhất, giúp tiết kiệm chi phí vận hành trong dài hạn. Tàu mới có tuổi thọ dài hơn và ít yêu cầu bảo trì trong giai đoạn đầu, giúp giảm thiểu rủi ro hỏng hóc và chi phí sửa chữa. Việc nâng cao trọng tải cũng giúp tăng khả năng chuyên chở của tàu đồng thời tiết kiệm chi phí quản lý.

Như vậy, đầu tư đóng mới tàu chở dầu/hóa chất thuộc phân khúc IMO II/III với trọng tải khoảng 25.000 - 26.000 DWT sẽ giúp Công ty mở rộng quy mô, tăng năng lực khai thác và tận dụng tối đa cơ hội trên thị trường.

6. Cơ sở lập báo cáo và triển khai Phương án:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV ngày 17/6/2020.
- Bộ luật Hàng hải số 95/2015/QH13 của Quốc hội khoá XIII ngày 25/11/2015.
- Tham khảo các hướng dẫn về trình tự, thủ tục lập và triển khai phương đóng mới tàu biển tại Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 và Nghị định sửa đổi bổ sung số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ quy định về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển.
- Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

Nhằm tiếp tục tăng số lượng tàu của Công ty để phù hợp với dự báo, định hướng, nhu cầu của khách hàng, bổ sung mở rộng quy mô tài sản nhằm gia tăng doanh thu, lợi nhuận, Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific xây dựng nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi “Phương án Đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 25.900 DWT” để trình Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt.

CHƯƠNG II

PHẠM VI HOẠT ĐỘNG, ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT, AN TOÀN CƠ BẢN TÀU

1. Loại tàu và trọng tải tàu:

- Tàu chở dầu thông thường (CPP):

- + *Ưu điểm* : Giá mua ban đầu thấp, chi phí vận hành thấp hơn so với tàu chở hóa chất.
- + *Nhược điểm* : Không chở được đa dạng mặt hàng nên giảm khả năng khai thác, giá cho thuê thấp.

- Tàu chở hóa chất:

- + *Ưu điểm* : Chở được nhiều loại hàng, lợi thế về khai thác, giá cho thuê cao hơn so với tàu chở dầu sản phẩm (CPP);
: Hầm hàng bằng inox nên không phải mất chi phí sơn bảo quản, duy trì tình trạng kỹ thuật trong suốt vòng đời Phương án, giảm thời gian rửa hầm hàng khi thay đổi chủng loại hàng hóa.
- + *Nhược điểm* : Giá mua ban đầu cao, chi phí vận hành, bảo dưỡng cao hơn tàu chở CPP. Nếu dùng tàu hóa chất để chở dầu sản phẩm thì tốc độ trả hàng chậm do sử dụng nhiều bơm chìm và có nhiều hầm hàng.

Sau khi xem xét ưu, nhược điểm của hai loại tàu, trên cơ sở tàu hóa chất có thể đa dạng hóa nguồn hàng phù hợp với nhiều thị trường khác nhau, tàu sau khi sở hữu có thể khai thác được ngay. Mặt khác, xu hướng các nhà máy lọc dầu sau này cũng sẽ cho ra nhiều sản phẩm hóa dầu nên loại tàu chở hóa chất (IMO II/III) sẽ được đề xuất lựa chọn thuê. Đồng thời, từ phân tích nhu cầu của thị trường và đội tàu của PCT, tàu chở dầu sản phẩm, hóa chất (Oil/Chem) có trọng tải khoảng 25.900 DWT được đề xuất lựa chọn.

2. Nơi đóng:

Tàu đóng tại Trung Quốc hiện nay có giá thành cạnh tranh và đang ngày càng nâng cao về chất lượng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường tàu chở dầu và hóa chất. Trong những năm qua, ngành đóng tàu Trung Quốc đã đầu tư mạnh mẽ vào nâng cao chất lượng và công nghệ sản xuất, giúp tạo ra các tàu với chi phí đầu tư ban đầu thấp hơn nhưng vẫn đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, bao gồm tiêu chuẩn IMO II/III cho tàu hóa chất. Mặc dù vẫn có một số lo ngại về chi phí thay thế vật tư, thiết bị và sửa chữa định kỳ cao hơn, nhưng mức giá cạnh tranh khi mua tàu mới có thể mang lại lợi ích kinh tế dài hạn, đặc biệt với sự cải tiến liên tục trong dịch vụ hậu mãi (bao gồm dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, bảo trì, sửa chữa, đào tạo vận hành...) và cung ứng phụ tùng (như thiết bị động cơ, thiết bị boong tàu, vật tư chuyên dụng cho tàu hóa chất...) từ các nhà máy đóng tàu lớn của Trung Quốc.

So với tàu đóng tại Nhật Bản, Hàn Quốc hoặc châu Âu, tàu đóng tại Trung Quốc ngày càng trở thành lựa chọn hợp lý cho các chủ tàu có nhu cầu cân bằng giữa chất lượng và chi phí đầu tư. Do vậy, việc chọn mua tàu đóng mới tại Trung Quốc có thể là một phương án phù hợp, tận dụng các lợi thế về giá thành và thời gian giao hàng, đặc biệt khi nhu cầu về tàu chở dầu/hóa chất tiêu chuẩn cao đang tăng trên thị trường quốc tế.

3. Phạm vi hoạt động và điều kiện kỹ thuật, an toàn tàu:

- Phạm vi khai thác/hoạt động: Không hạn chế.
- Điều kiện kỹ thuật, an toàn của tàu: Phải phù hợp với các quy định hiện hành của Luật và công ước quốc tế liên quan.
- Tàu và thiết bị trên tàu phải đảm bảo tính đồng bộ cao, hoạt động tin cậy, ổn định lâu dài và thỏa mãn đầy đủ yêu cầu, qui định của luật, công ước quốc tế liên quan cũng như các yêu cầu, qui định của Đăng kiểm, các tổ chức quốc gia, quốc tế về hàng hải và yêu cầu cơ bản của các chủ dầu (Oil Majors) lớn trên thế giới.
- Giấy chứng nhận cho tàu/liên quan đến tàu: Khi nhận bàn giao, đưa vào khai thác, tàu phải đảm bảo có đầy đủ các Giấy chứng nhận để đăng ký tàu biển cũng như để khai thác trên biển theo qui định bao gồm nhưng không giới hạn: Chính quyền treo cờ tàu, Đăng kiểm, Hội cấp bảo hiểm thuộc câu lạc bộ IG...
- Qua thực tế kinh nghiệm quản lý, vận hành, chủng loại tàu J19 của Công ty cùng với kết quả chấm điểm hiệu quả khai thác trong Hiệp hội chủ tàu (Pool) Maersk thì các tàu có đặc điểm kỹ thuật cơ bản như dưới đây có điểm khai thác ở mức tương đồng:

STT	Tiêu chí	Cụ thể
1	Tuổi tàu	Đóng mới.
2	Nơi đóng	Trung Quốc.
3	Loại tàu	SBT/IGS/IMO II/III (Oil/Chemical tanker), Double Hull.
4	Đăng kiểm	Thành viên thuộc IACS.
5	Trọng tải	Khoảng 25.900 DWT.
6	Loại hầm hàng (bao gồm kết Slops)	Stainless steel (Sus 316L...).
7	Máy chính	Thuộc các hãng của Châu Âu/Nhật được sản xuất tại Trung Quốc.

Việc xây dựng kế hoạch mua tàu và các tiêu chí đánh giá lựa chọn tàu sẽ dựa trên các tiêu chí, yêu cầu cơ bản nêu trên.

CHƯƠNG III

PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ

1. Tổng mức đầu tư Phương án:

Ở thời điểm hiện tại, với tổng mức đầu tư tối đa là 191.951.200 USD, theo khảo sát, đánh giá của phòng chức năng của Công ty, trên cơ sở các giao dịch gần đây và thông tin thu thập từ các công ty môi giới, người mua có thể giao dịch thành công tàu dầu/hóa chất đóng mới với trọng tải tàu không quá 30.000 DWT. Để tính toán hiệu quả Phương án thì tàu đóng mới có trọng tải khoảng 25.900 DWT được lấy làm cơ sở tính toán.

Công ty lập Phương án Đầu tư 04 tàu đóng mới dựa trên tổng mức đầu tư không vượt quá 191.951.200 USD tương ứng mức đầu tư không vượt quá 47.987.800USD/tàu (Bao gồm: Thuế, phí, chi phí khảo sát/giám định/giao nhận tàu, kiểm toán quyết toán Phương án đầu tư, lãi vay và các chi phí khác nếu có), cụ thể:

STT	Nội dung	Đơn giá (USD)	Tổng cộng (USD)
1	Giá đóng mới	44.825.000	179.300.000
2	Chi phí chuẩn bị thực hiện Phương án	10.000	40.000
3	Chi phí quản lý, giám sát, đăng kiểm và tư vấn	100.000	400.000
	<i>Chi phí thuê ngoài</i>	<i>50.000</i>	<i>200.000</i>
	<i>Chi phí Chủ đầu tư thực hiện</i>	<i>50.000</i>	<i>200.000</i>
4	Các hạng mục do Chủ đầu tư cung cấp	512.800	2.051.200
5	Chi phí giao nhận tàu, kiểm toán quyết toán Phương án đầu tư...	100.000	400.000
6	Chi phí lãi vay được vốn hóa	2.440.000	9.760.000
	TỔNG CỘNG	47.987.800	191.951.200

2. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư của Phương án cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Đơn giá (USD)	Tổng cộng (USD)
1	Tổng mức đầu tư	47.987.800	191.951.200
2	Vốn vay ngân hàng (tối đa đến khoảng 80% giá mua tàu)	35.860.000	143.440.000
3	Vốn chủ sở hữu và/hoặc các nguồn vốn khác (1) - (2)	12.127.800	48.511.200

(Tỷ giá quy đổi VND/USD tạm tính: 25.500 đồng/USD)

2.1. Về nguồn vốn chủ sở hữu:

Để thực hiện Phương án đầu tư này, Công ty dự kiến sử dụng 48.511.200 USD từ nguồn vốn chủ sở hữu, vốn khác hoặc thực hiện phát hành thêm cổ phiếu theo tiến độ thanh toán cho nhà máy đóng tàu.

2.2. Về nguồn vốn vay:

Xác định rõ sự khó khăn của thị trường tín dụng ngân hàng, nhất là lĩnh vực cho vay đầu tư tàu biển, PCT đã chủ động làm việc với các ngân hàng để thu xếp vốn cho các phương án tàu. Đến hiện tại, PCT đã và đang làm việc với các ngân hàng có tính khả thi và cam kết cao trong việc thu xếp tín dụng là: Ngân hàng Phương Đông (OCB), TPBank, MSB, MB Bank... Giá trị cho vay đến 80% giá mua tàu, thời hạn vay đến 08 năm, tài sản đảm bảo là con tàu hình thành từ vốn vay/các khoản bảo đảm khác (hợp đồng tiền gửi, dòng tiền kinh doanh...). Theo các thông báo chủ trương tài trợ vốn của các ngân hàng thì lãi suất cho vay bằng VND (đã bao gồm các loại phí liên quan) dao động từ 6,5% - 9%/năm tùy thuộc vào thời điểm giải ngân. Sau khi Phương án được phê duyệt, các ngân hàng sẽ triển khai phê duyệt tín dụng chính thức.

Để đảm bảo tính khả thi thận trọng của Phương án, cũng như đảm bảo khả năng thu xếp vay vốn từ các tổ chức tín dụng để tài trợ khoản vay đầu tư, trong Báo cáo nghiên cứu khả thi này, thông số về khoản vay được xây dựng cơ bản như sau:

- Đồng tiền nhận nợ: VND/USD, trong trường hợp không thu xếp được vốn USD thì Phương án dự phòng là vay VND trong nước.
- Lãi suất cho vay lấy mức trung bình của các bản chào là 7,2%/năm cộng thêm dự phòng biến động lãi suất thì lấy mức 8,0%/năm (bao gồm lãi vay và các khoản phí quy đổi).
- Trả nợ: 4 kỳ/năm; Thời hạn vay: 8 năm.
- Tài sản đảm bảo: Thế chấp tài sản là con tàu đầu tư, nguồn thu từ việc khai thác con tàu và các tài sản khác theo thông lệ/yêu cầu của ngân hàng tài trợ Phương án.

Sau khi Báo cáo nghiên cứu khả thi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua chủ trương và HĐQT phê duyệt, Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các ngân hàng để có Phương án tài trợ chính thức với mức lãi suất cạnh tranh nhất. Trên cơ sở đó, các thông số vay vốn sẽ được chính xác hóa để trình HĐQT xem xét lựa chọn ngân hàng thu xếp vốn tối ưu nhất cho Phương án.

3. Kế hoạch khai thác, doanh thu, chi phí:

Kế hoạch khai thác, doanh thu, chi phí dưới đây được tính toán đối với 01 tàu.

3.1. Kế hoạch khai thác:

- Lộ trình khai thác: tập trung khai thác tuyến quốc tế theo hình thức tối ưu nhất. Trong đó, hình thức cho thuê định hạn (TC) hoặc khai thác trong Pool được áp dụng để tính toán hiệu quả Phương án.

- Thời gian khai thác trung bình trong năm:
 - + Các năm tàu không dừng sửa chữa IS/SS: 355 - 360 ngày/năm.
 - + Vào các năm có kỳ sửa chữa IS/SS: 340 - 345 ngày/năm.
- Thời gian khai thác tối đa: 25 năm nếu là tàu đóng mới (dựa theo độ tuổi trung bình được các Terminal/Người thuê tàu và các yêu cầu chào tàu vận chuyển đối với loại tàu Oil/Chem thì cơ bản được chấp thuận đến 25 tuổi vào nhận/trả hàng).

3.2. Kế hoạch doanh thu:

Thực tế giá cho thuê TC/Pool theo báo cáo từ các nhà môi giới lớn trên thị trường, đối chiếu với hiệu quả khai thác tàu (TCE) của dòng tàu J19 mà Công ty đang sở hữu, mức hiệu quả đạt được nếu khai thác tàu đóng mới trọng tải khoảng 25.900 DWT sẽ đạt từ 24.000 - 25.000 USD/ngày. Tuy nhiên, trên nguyên tắc thận trọng, phòng ngừa các rủi ro không thể lường trước của thị trường, Công ty PCT tính toán doanh thu trong phương án khai thác cho thuê TC/Pool như sau:

- TC/Pool năm thứ 1 đến năm thứ 5 của Phương án là: 21.600 USD/ngày, tương ứng 95% trung bình giá cước TC/Pool 3 năm (2024-2026 theo Maersk và 3 tháng đầu năm 2024 của Clarkson);
- TC/Pool năm thứ 6 đến năm thứ 10 của Phương án là: 20.400 USD/ngày, tương ứng 90% trung bình giá cước TC/Pool 3 năm (2024-2026 theo Maersk và 3 tháng đầu năm 2024 của Clarkson);
- TC/Pool năm thứ 11 đến hết năm thứ 15 của Phương án là: 19.200 USD/ngày tương ứng 85% giá cước TC/Pool 3 năm (2024-2026 theo Maersk và 3 tháng đầu năm 2024 của Clarkson);
- Giá cho thuê TC/Pool từ năm thứ 16 đến hết năm thứ 20 của Phương án là: 18.000 USD/ngày tương đương tương ứng 80% giá cước TC/Pool 3 năm (2024-2026 theo Maersk và 3 tháng đầu năm 2024 của Clarkson);
- Giá cho thuê TC/Pool từ năm thứ 21 đến hết năm thứ 25 của Phương án là: 16.800 USD/ngày tương đương tương ứng 80% giá cước TC 3 năm (2024-2026 theo Maersk và 3 tháng đầu năm 2024 của Clarkson).

3.3. Kế hoạch chi phí hoạt động (Opex):

Chi phí hoạt động cho tàu dự kiến dựa trên cơ sở thực tế đã quản lý kỹ thuật tàu Goby và tàu Orion, đồng thời tham khảo chi phí của một số chủ tàu và trên cơ sở xây dựng chi phí của Công ty như sau:

STT	Hạng mục	Ngân sách (USD)	
		Năm	Ngày
1	Thuyền viên	664.240	1.820
2	Vật tư phụ tùng, sửa chữa & kiểm định	260.000	712
3	Dầu nhờn (LO)	150.000	411
4	Chi phí sửa chữa lớn (docking)	233.920	641
5	Bảo hiểm	262.470	719
6	Thiết bị an toàn, bảo hộ, ấn phẩm	23.000	63
7	Phí quản lý KT/TM & khác	27.700	76
OPEX :		1.526.494	4.442
1	Khấu hao	3.199.187	8.765
2	Chi phí lãi vay	2.733.465	7.489
3	Chi phí tài chính khác	627.550	1.719
CAPEX :		6.560.202	17.973
1	Chi phí quản lý phân bổ	100.000	274
FIXCOST		8.281.532	22.689

3.4. Dự kiến giá bán thanh lý tàu:

Theo các cập nhật, báo cáo thống kê về giá tàu thanh lý của các nhà môi giới hàng đầu như Clarkson Research, Athennia and Seouline Shipbrokers đối với loại tàu dầu/hóa chất tại các thị trường phá dỡ hàng đầu là Pakistan, Bangladesh và Ấn Độ thì giá thanh lý tàu bình quân 10 năm gần nhất (2013 - 2023) cụ thể như sau:

Tanker scrap (USD/Tấn)												
NĂM	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Bình quân
PAKISTAN							355	415	590	525	535	484
BANGLADESH	430	455	295	295	435	425	385	410	605	510	510	432
ẤN ĐỘ	440	460	305	290	435	425	360	405	565	535	510	430
Bình quân 3 thị trường												431

Nguồn: Clarksons tháng 12/2023

Đối với tàu 25.900 DWT là tàu có hầm hàng Inox, giá bán sắt vụn thường cao hơn 15-20% so với mức bình quân 431 USD/LTD của tàu chở dầu/hóa chất thông thường, tương đương 495 - 517 USD/LTD. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thận trọng trong xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi Phương án đầu tư tàu với thời điểm thu hồi của Phương án còn dài, dự kiến giá sắt vụn thanh lý áp dụng cho Phương án được tính với giá thanh lý theo mức bình quân 10 năm thống kê tại 3 thị trường cho loại tàu tanker. Trọng tải tịnh (lightship) của tàu J19 nằm trong khoảng từ 5.100 - 5.600 LTD, để thận trọng, lựa chọn lightship của loại tàu này là 5.500 LTD.

Giá trị thanh lý tàu: 5.500 LTD x 431 USD/tấn = 2.370.500 USD.

3.5. Khấu hao, thuế thu nhập DN và suất chiết khấu:

3.5.1. Khấu hao:

Căn cứ Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thời gian khấu hao của Phương án tối đa là 15 năm. Trong Phương án tàu đóng mới, thời gian khấu hao của Phương án là 15 năm.

3.5.2. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%/năm.

3.5.3. Suất chiết khấu và chênh lệch tỉ giá của Phương án trong trường hợp vay USD:

- Phần vốn chủ sở hữu đầu tư có lãi suất kì vọng 10,0%/năm.
- Vốn vay từ ngân hàng có chi phí sử dụng vốn 8,0%/năm.
- Hệ số rủi ro đối với lĩnh vực vận chuyển, tăng trừ dầu khí: 1,0%.
- Bảng tính dòng tiền và hiệu quả kinh tế của Phương án này lập bằng USD cho cả doanh thu và chi phí.

STT	Vốn đầu tư	47.987.800	Lãi suất
1	Vốn chủ sở hữu	12.127.800	10,0%
2	Vốn vay	35.860.000	8,0%
WACC = [(VCSH/VĐT) x LS kỳ vọng] + [(Vốn vay/VĐT) x LS vay] x (1 - Thuế TNDN)			7,31%
+ Hệ số rủi ro tính cho Phương án trong lĩnh vực vận chuyển			1,0%

3.6 Tổng hợp các thông số tính toán Phương án:

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Giá trị	Ghi chú
I	THÔNG SỐ			
1	Tổng giá trị đầu tư	USD	47.987.800	
2	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:			
	Vốn chủ sở hữu	USD	12.127.800	
	Vốn vay ~ 80% Giá mua tàu	USD	35.860.000	
3	Lãi suất vay ngân hàng	%/năm	8,0%	Phụ lục
4	Thời gian vay	năm	8	""
5	Kỳ trả nợ gốc	kỳ/năm	4	""
6	Chênh lệch tỷ giá	%/năm	2,0%	Vay ngoại tệ
7	Hệ số chiết khấu Phương án	%	8,31%	
8	Tuổi tàu : 0 năm	năm	0	
9	Vòng đời khai thác tàu	năm	25	
10	Số năm khai thác	năm	25	

11	Số ngày khai thác, dừng tàu			
	<i>Ngày khai thác bình quân</i>	<i>ngày/năm</i>	353	
	<i>Ngày dừng S/C và offhire T/mại bình quân</i>	<i>ngày/năm</i>	3	
	<i>Ngày dừng sửa chữa tại năm có IS/SS</i>	<i>ngày/năm</i>	20	
12	Thời gian khấu hao	Năm	15	
13	Thuế thu nhập doanh nghiệp	%	20%	
II	DOANH THU			
1	Giá cho thuê định hạn (T/C)/Pool			Phụ lục
	+ Đơn giá áp dụng cho năm thứ: 1 - 5	USD/ngày	21.600	
	+ Đơn giá áp dụng cho năm thứ: 6 - 10	USD/ngày	20.400	
	+ Đơn giá áp dụng cho năm thứ: 11 - 15	USD/ngày	19.200	
	+ Đơn giá áp dụng cho năm thứ: 16 - 20	USD/ngày	18.000	
	+ Đơn giá áp dụng cho năm thứ: 20 - 25	USD/ngày	16.800	
2	TSCĐ thanh lý (431 USD x 5.500 LDT)	USD	2.370.500	
	<i>Tài trọng tàu (lightship)</i>		5.500	
	<i>Giá thanh lý</i>	USD	431	
III	CHI PHÍ			
1	Chi phí hoạt động/Opex (<i>Vật tư, phụ tùng, sửa chữa, thuyền viên, bảo hiểm, ...</i>)			Phụ lục
	+ Đơn giá áp dụng cho Năm thứ: 1	USD/ngày	4.442	
2	Chi phí vốn Capex + Chi phí quản lý (<i>năm thứ 1</i>)	USD/ngày	18.247	Phụ lục

4. Chỉ tiêu hiệu quả kinh tế Phương án:

Kết quả tính toán các chỉ tiêu tài chính của Phương án đầu tư đối với 01 tàu trong bảng sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Tổng mức đầu tư	USD	47.987.800
2	Suất thu lợi nội tại (IRRmin)	%	8,31
3	Hiện giá dòng ngân lưu thuần (NPV)	USD	37.919
4	Suất thu lợi nội tại (IRR) Phương án	%	8,32
5	Hiện giá dòng ngân lưu thuần NPV vốn CSH	USD	1.194.352
6	Suất sinh lời trên vốn chủ đầu tư (ROE)	%	8,85

5. Đánh giá và quản trị rủi ro Phương án:

Theo dự báo nguồn cung tàu dầu/hóa chất 19.000 - 25.000 DWT có hầm hàng là thép không gỉ tiếp tục khan hiếm trong thời gian tới, trong khi giá cước cho thuê tàu dự báo sẽ duy trì ở mức tốt trong thời gian tới sẽ là cơ hội để triển khai đầu tư mua tàu.

Chi phí Opex: Những rủi ro liên quan đến chi phí Opex đã được tính toán tăng 1% sau mỗi năm đưa tàu vào khai thác và thể hiện ở bảng phân tích của Phương án như trên và tại phụ lục đính kèm.

Giá cước: Thị trường vận tải quốc tế đã gia tăng đáng kể sau giai đoạn đại dịch Covid-19. Giá cước vận chuyển dầu sản phẩm/hóa chất hiện cũng đã tăng đáng kể và dự báo tiếp tục tăng trong các năm tiếp theo cho đến 2027 dựa trên dự báo của các công ty môi giới tàu uy tín như Clarkson, Maersk và Wormar Pool. Do vậy, việc lấy 95% - 80% giá cước trung bình của của Clarkson và TC/Pool 03 năm (2024 - 2026) của Maersk áp cho các năm đầu của Phương án để tính toán hiệu quả Phương án là đã tính đến các rủi ro phát sinh.

Chi phí chênh lệch tỷ giá: Chi phí chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư nợ vay là 2%/năm. Trong trường hợp vay vốn bằng VND sẽ không áp dụng chi phí chênh lệch tỷ giá.

Lãi suất: Rủi ro về lãi suất đã được kiểm soát đáng kể do Phương án đã ước tính dựa trên mức lãi suất vay USD là 8,0%/năm (bao gồm lãi vay và các khoản phí quy đổi).

CHƯƠNG IV

KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở các nghiên cứu, đánh giá báo cáo nghiên cứu khả thi được trình bày ở trên “**Phương án Đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 25.900 DWT**” có tính khả thi, đảm bảo hiệu quả kinh tế, khả năng trả nợ vay, mang lại doanh thu và lợi nhuận bền vững cho Công ty PCT. Qua đó, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét phê duyệt Báo cáo Nghiên cứu khả thi Phương án Đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 25.900 DWT như sau:

- **Tên Phương án:** Đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 25.900 DWT.
- **Chủ đầu tư :** Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific.
- **Loại tàu :** Tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất.
- **Trọng tải :** Khoảng 25.900 DWT.
- **Nơi đóng :** Trung Quốc.
- **Hình thức đầu tư:** Tàu đóng mới.
 - **Tổng mức đầu tư:** Không vượt quá 47.987.800USD/tàu.
- **Nguồn vốn cho Phương án:** Vốn chủ sở hữu và vốn vay của tổ chức tín dụng, trong đó vốn vay không vượt quá 80% giá trị mua tàu.
- **Hiệu quả kinh tế của Chủ đầu tư được tính toán đối với 01 tàu kỳ vọng:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Hiện giá dòng ngân lưu thuần NPV vốn CSH	USD	1.194.352
2	Suất sinh lời trên vốn chủ đầu tư (ROE)	%	8,85

- **Thời gian triển khai đầu tư:** Dự kiến bắt đầu vào năm 2025.
Trên trọng kính trình.

BẢNG TÍNH HIỆU QUẢ KINH TẾ DỰ ÁN ĐÓNG MỚI TÀU DẦU CHỜ DẦU/HÓA CHẤT TRỌNG TẢI 25.900 DWT

DOCKING		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Tuổi tàu : 0 năm	0,0													
+ Từ năm 3 tuổi (tăng 1% sau mỗi năm)	-	100%	101%	102%	103%	104%	105%	106%	107%	108%	109%	110%	111%	112%
1 DOCK SS/IS CÁC KỲ	-	-	-	816.000	-	1.050.000	-	-	856.000	-	1.090.000	-	-	896.000
<i>Chi phí SS phân bổ 2,5 năm</i>	-	-	-	-	-	-	420.000	420.000	210.000	-	218.000	436.000	436.000	-
<i>Chi phí IS phân bổ 2,5 năm</i>	-	-	-	163.200	326.400	326.400	-	-	171.200	342.400	342.400	-	-	358.400
2 Phân bổ từ năm phát sinh dock đầu tiên	379.692	-	-	163.200	326.400	326.400	420.000	420.000	381.200	342.400	560.400	436.000	436.000	358.400
3 Dòng tiền phát sinh Docking +/-		233.920	233.920	(582.080)	233.920	(816.080)	233.920	233.920	(622.080)	233.920	(856.080)	233.920	233.920	(662.080)
INSURANCE		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Giá trị Tài sản đầu năm (GTCL)		47.987.800	44.788.613	41.589.427	38.390.240	35.191.053	31.991.867	28.792.680	25.593.493	22.394.307	19.195.120	15.995.933	12.796.747	9.597.560
Giá trị Tài sản tính phí H&M		47.987.800	44.788.613	41.589.427	38.390.240	35.191.053	31.991.867	28.792.680	25.593.493	22.394.307	19.195.120	15.995.933	12.796.747	9.597.560
+ Tỷ lệ phí H&M (%)	0,25%													
+ Đơn giá phí P&I (USD/MT)	7,06													
<i>Gross Tấn</i>	17.000													
Bảo hiểm		262.470	254.472	246.474	238.476	230.478	222.480	214.482	206.484	198.486	190.488	182.490	174.492	166.494
<i>Thân tàu (H&M)</i>	63.984	119.970	111.972	103.974	95.976	87.978	79.980	71.982	63.984	55.986	47.988	39.990	31.992	23.994
<i>P&I</i>	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
<i>Crews</i>	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500
<i>Tranh chấp</i>	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
VAY		1	2	3	4	5	6	7						
1 Vốn vay - 80% Giá mua tàu	35.860.000													
2 Thời gian vay	8													
3 Lãi suất vay ngân hàng	8,00%													
4 Số ngày tính lãi	365													
5 Kỳ trả nợ gốc	4													
6 Số tiền gốc vay trả hàng năm		4.482.500	4.482.500	4.482.500	4.482.500	4.482.500	4.482.500	4.482.500						
<i>Số dư nợ gốc Vay kỳ 1</i>		34.739.375	30.256.875	25.774.375	21.291.875	16.809.375	12.326.875	7.844.375						
<i>Số dư nợ gốc Vay kỳ 2</i>		33.618.750	29.136.250	24.653.750	20.171.250	15.688.750	11.206.250	6.723.750						
<i>Số dư nợ gốc Vay kỳ 3</i>		32.498.125	28.015.625	23.533.125	19.050.625	14.568.125	10.085.625	5.603.125						
7 Số dư Nợ gốc vay cuối năm		31.377.500	26.895.000	22.412.500	17.930.000	13.447.500	8.965.000	4.482.500						
8 Số tiền lãi vay trả hàng năm		2.733.465	2.374.865	2.016.265	1.657.665	1.299.065	940.465	581.865						
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	2,00%													
9 CLTG thanh toán, swap (usd/vnd)		627.550	537.900	448.250	358.600	268.950	179.300	89.650						

DOCKING	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
Tuổi tàu : 0 năm												
+ Từ năm 3 tuổi (tăng 1% sau mỗi năm)	113%	114%	115%	116%	117%	118%	119%	120%	121%	122%	123%	124%
1 DOCK SS/IS CÁC KỲ	-	1.140.000	-	-	936.000	-	1.190.000	-	-	976.000	-	-
<i>Chi phí SS phân bổ 2,5 năm</i>	-	<i>228.000</i>	<i>456.000</i>	<i>456.000</i>	-	-	<i>238.000</i>	<i>476.000</i>	<i>476.000</i>	-	-	-
<i>Chi phí IS phân bổ 2,5 năm</i>	<i>358.400</i>	<i>179.200</i>	-	-	<i>374.400</i>	<i>374.400</i>	<i>187.200</i>	-	-	<i>390.400</i>	<i>390.400</i>	<i>195.200</i>
2 Phân bổ từ năm phát sinh dock đầu tiên	358.400	407.200	456.000	456.000	374.400	374.400	425.200	476.000	476.000	390.400	390.400	195.200
3 Dòng tiền phát sinh Docking +/-	233.920	(906.080)	233.920	233.920	(702.080)	233.920	(956.080)	233.920	233.920	(742.080)	233.920	233.920

INSURANCE	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
Giá trị Tài sản đầu năm (GTCL)	6.398.373	3.199.187	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Giá trị Tài sản tính phí H&M	6.398.373	3.199.187	2.370.500	2.370.500	2.370.500	2.370.500	2.370.500	2.370.500	2.370.500	2.370.500	2.370.500	2.370.500
+ Tỷ lệ phí H&M (%)												
+ Đơn giá phí P&I (USD/MT)												
<i>Gross Tấn</i>												
Bảo hiểm	158.496	150.498	148.426	148.426	148.426	148.426	148.426	148.426	148.426	148.426	148.426	148.426
<i>Thân tàu (H&M)</i>	<i>15.996</i>	<i>7.998</i>	<i>5.926</i>	<i>5.926</i>	<i>5.926</i>	<i>5.926</i>	<i>5.926</i>	<i>5.926</i>	<i>5.926</i>	<i>5.926</i>	<i>5.926</i>	<i>5.926</i>
<i>P&I</i>	<i>120.000</i>	<i>120.000</i>	<i>120.000</i>	<i>120.000</i>	<i>120.000</i>	<i>120.000</i>	<i>120.000</i>	<i>120.000</i>	<i>120.000</i>	<i>120.000</i>	<i>120.000</i>	<i>120.000</i>
<i>Crews</i>	<i>2.500</i>	<i>2.500</i>	<i>2.500</i>	<i>2.500</i>	<i>2.500</i>	<i>2.500</i>	<i>2.500</i>	<i>2.500</i>	<i>2.500</i>	<i>2.500</i>	<i>2.500</i>	<i>2.500</i>
<i>Tranh chấp</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>

VAY

- 1 Vốn vay ~ 80% Giá mua tàu
- 2 Thời gian vay
- 3 Lãi suất vay ngân hàng
- 4 Số ngày tính lãi
- 5 Kỳ trả nợ gốc
- 6 Số tiền gốc vay trả hàng năm
 - Số dư nợ gốc Vay kỳ 1*
 - Số dư nợ gốc Vay kỳ 2*
 - Số dư nợ gốc Vay kỳ 3*
- 7 Số dư Nợ gốc vay cuối năm
- 8 Số tiền lãi vay trả hàng năm
 - Chênh lệch tỷ giá
- 9 CLTG thanh toán, swap (usd/vnd)



TỜ TRÌNH

Về việc chấp thuận giao dịch giữa Công ty và người có liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific;

Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp về việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận giao dịch giữa Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific với người có liên quan như sau:

- Tên người có liên quan: Công ty cổ phần Vận tải Nhật Việt (gọi tắt là NVTrans).
- Mã số doanh nghiệp: 0308515724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/09/2010.
- Địa chỉ trụ sở chính: 151 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Mối quan hệ với Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific:
 - + Ông Trần Trung Quốc – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Nhật Việt.
 - + Ông Lê Anh Nam – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific đồng thời là Phó Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải Nhật Việt.
 - + Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific đồng thời là thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải Nhật Việt.
- Nội dung chủ yếu của giao dịch: Hợp đồng cho thuê tàu trần.
- Tổng giá trị giao dịch dự kiến: US\$48.180.000 (đã bao gồm thuế GTGT) (Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đô la Mỹ) tương đương 1.222.808.400.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn hai trăm hai mươi hai tỷ tám trăm lẻ tám triệu bốn trăm nghìn đồng), tỷ giá ước tính: 25.380 VND/USD.
- Thời gian thực hiện: 10 (mười) năm kể từ ngày ký hợp đồng. *lm*



- Điều khoản Quyền mua tàu: Người thuê tàu có quyền chọn mua Tàu sau khi kết thúc thời hạn thuê tàu trần (10 năm) với mức giá US\$24.000.000 (Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu đô la Mỹ) (tỷ giá quy đổi đồng Việt Nam tại thời điểm giao dịch).
- Dự thảo hợp đồng như đính kèm.
- Giao cho Hội đồng quản trị chủ động đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng và phụ lục hợp đồng, các văn bản khác liên quan đến giao dịch theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận giao dịch nói trên để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *[Signature]*



Trần Trung Quốc



Số: 07/2025/TTr-PCT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH CHI TRẢ CỔ TỨC BẰNG CỔ PHIẾU NĂM 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt kế hoạch chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, cụ thể như sau:

I. Cơ sở pháp lý:

Căn cứ Điều 60 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ về điều kiện công ty đại chúng phát hành cổ phiếu để trả cổ tức như sau:

1. Có phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận đủ để trả cổ tức.
3. Có phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua.

Công ty dự kiến phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, về mặt pháp lý, sau khi có ý kiến chấp thuận của ĐHQĐĐ thông qua phương án, Công ty có đủ điều kiện để triển khai phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu.



II. Chi tiết phương án phát hành:

- Tổ chức phát hành : Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.
- Mã cổ phiếu : PCT.
- Loại cổ phần phát hành : cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần.
- Đối tượng phát hành : cổ đông hiện hữu của PCT có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông.
- Tổng số cổ phần đã phát hành: 50.035.493 cổ phần.
- Tổng số cổ phần dự kiến phát hành: 5.003.549 cổ phần.
- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: 50.035.493.000 đồng.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của PCT có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền.
- Ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền: sẽ lựa chọn thời điểm thích hợp trong năm 2025 căn cứ theo tình hình thị trường, hoạt động của PCT và đảm bảo các quy định hiện hành.
- Tỷ lệ thực hiện: 10% trên tổng số cổ phần đã phát hành. Tỷ lệ thực hiện quyền thực tế cho cổ đông hiện hữu tại thời điểm chốt danh sách được tính toán trên nguyên tắc đảm bảo tất cả cổ đông hiện hữu sẽ được phân bổ quyền như nhau.
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân sẽ được hủy bỏ.
- Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích lập các quỹ năm 2024.

III. Mục đích phát hành

Bổ sung vốn phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư tài sản trong năm 2025 của Công ty.

IV. Kết luận và kiến nghị

Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối nêu trên là phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành. Để có cơ sở thực hiện, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt:

- Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tỷ lệ thực hiện là 10% trên tổng số cổ phần đã phát hành, số lượng cổ phần dự kiến phát hành là 5.003.549 cổ phần.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau:
 - Thực hiện đăng ký chứng khoán niêm yết bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù

trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD); Thủ tục thay đổi niêm yết số cổ phiếu phát hành tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đối với số lượng cổ phần được phát hành.

- Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định.
- Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật và xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *Trần Trung Quốc*



Trần Trung Quốc



Số: 08/2025/TTr-PCT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc kiện toàn cơ cấu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PCT-ĐHCD ngày 02/6/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 29/02/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Căn cứ Điều 26 Điều lệ Công ty và điểm b khoản 1 Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020, để đảm bảo sự ổn định và hiệu quả trong hoạt động của Hội đồng quản trị, đồng thời phù hợp với tình hình thực tế của công ty, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 là 04 (bốn) thành viên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Trung Quốc

Số: 09/2025/TTr-PCT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific;

Vừa qua, Hội đồng quản trị nhận được Đơn từ nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát của Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp đề ngày 27/2/2025.

Căn cứ Điều 35 Điều lệ Công ty và điểm b khoản 1 Điều 174 Luật Doanh nghiệp 2020, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt việc miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 đối với Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).



Số: 10/2025/TTr-PCT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific;

Ngày 27/02/2025, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific nhận được đơn từ nhiệm của Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp – Trưởng Ban Kiểm soát.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific nhận được Văn bản ứng cử/ đề cử ứng viên để bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 của cổ đông đáp ứng điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Điều lệ Công ty, Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020, cụ thể như sau:

STT	Cổ đông	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ % tổng số cổ phần	Số lượng ứng viên đề cử/ ứng cử	Họ tên ứng viên
01	Trần Thị Thu Hà	22,29%	01	Nguyễn Thị Xuân Thủy

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu ứng viên theo đề nghị của cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 của Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific, thay thế thành viên Ban kiểm soát đã có đơn từ nhiệm.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).



Trần Trung Quốc

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/BBH-PCT-ĐHCĐ ngày 26/3/2025 của Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua những nội dung sau:

1. Báo cáo hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của HĐQT số ... ngày.....
2. Báo cáo hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát số ... ngày.....
3. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Giám đốc số ... ngày.....
4. Báo cáo về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt phát hành thêm cổ phiếu năm 2023 số ... ngày.....
5. Báo cáo thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2024 số ... ngày.....
6. Tờ trình về việc phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2024 và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 số ... ngày.....
7. Tờ trình về việc trích lập các quỹ năm 2024 số ... ngày.....
8. Tờ trình về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 số ... ngày.....
9. Tờ trình về thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và Kế hoạch thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 số ... ngày.....
10. Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 số ... ngày.....

11. Tờ trình về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án Đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 25.900 DWT số ... ngày.....
12. Tờ trình về việc chấp thuận giao dịch giữa Công ty và người có liên quan số ... ngày.....
13. Tờ trình về việc phê duyệt kế hoạch chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2024 số ... ngày.....
14. Tờ trình về việc kiện toàn cơ cấu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 số ... ngày.....
15. Miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.
16. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 đối với ông/ bà

Điều 2. HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật Nhà nước và Điều lệ hoạt động của Công ty.

Điều 3. Nghị quyết này đã được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các TV.HĐQT;
- BKS, Ban GD;
- Cổ đông PCT;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (2b).

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Trần Trung Quốc